

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
(PETECHIM JSC)**



DỰ THẢO

**TÀI LIỆU
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2022



DANH MỤC TÀI LIỆU

HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

NĂM 2022

1. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022;
2. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022;
3. Báo cáo về các nội dung tài chính;
4. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
5. Báo cáo kiểm soát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022;
6. Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022;
7. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; ban hành mới Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
8. Tờ trình về việc giới thiệu nhân sự bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát;
9. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH
PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Thời gian: Từ 08h00, ngày 23/04/2022

Địa điểm: Trụ sở Công ty Petechim

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG
1	08h00-08h30	Tiếp đón đại biểu và cổ đông
2	08h30-08h35	Khai mạc: Tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu
3	08h35-08h40	Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông
4	08h40-08h45	Giới thiệu Chủ tọa Đại hội Giới thiệu Ban Thư ký Đại hội Giới thiệu và thông qua Ban kiểm phiếu Đại hội
5	08h45-08h50	Thông qua Chương trình và Quy chế làm việc
6	08h50-09h10 (20')	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch kinh doanh năm 2022
7	09h10-09h25 (15')	Báo cáo về các nội dung tài chính
8	09h25-09h45 (20')	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2022
9	09h45-09h55 (10')	Báo cáo hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát và Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2022 của Petechim.
10	09h55-10h10 (15')	Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, ban hành mới Quy chế hoạt động của HĐQT và BKS theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính
11	10h10-10h20 (10')	Tờ trình giới thiệu nhân sự bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát
12	10h20-10h35	Bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát
13	10h35-10h55	Thảo luận và giải đáp ý kiến của cổ đông
14	10h55-11h05	Biểu quyết các nội dung của Đại hội
15	11h05-11h15	Phát biểu của đại diện các cổ đông lớn
16	11h15-11h20	Công bố kết quả bầu cử và kết quả kiểm phiếu
17	11h20-11h30	Thông qua Nghị quyết Đại hội
18	11h30	Bế mạc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Ban Điều hành Công ty CP Thương mại Dầu khí (Petchim) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022 như sau:

PHẦN I BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Thuận lợi:

- Giá trị thương hiệu Petchim trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ dầu khí tại Việt Nam.
- Sự ủng hộ của các cổ đông lớn như PVOIL, Sovico Group và sự hợp tác của các đối tác/khách hàng truyền thống trong và ngoài nước.
- Nghị quyết ĐHĐCĐ đã mở ra định hướng kinh doanh mới, phù hợp với biến động của thị trường và tạo cơ hội cho những bước đột phá để làm nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty trong thời gian tới.
- Bộ máy tổ chức đi vào ổn định, công tác tái cấu trúc đã bắt đầu mang lại những chuyển biến tích cực, tập thể lãnh đạo và CBNV đoàn kết, có trình độ, tâm huyết, trách nhiệm.

2. Khó khăn:

- Sự bùng phát nghiêm trọng của đại dịch Covid-19 trong năm 2021 khiến cho mọi hoạt động kinh tế xã hội bị ảnh hưởng nặng nề, đặc biệt là mảng kinh doanh thương mại - dịch vụ của Công ty Petchim.
- Các dự án đầu tư chưa triển khai, nhu cầu mua sắm thường xuyên bị cắt giảm theo sự suy giảm của hoạt động SXKD của khách hàng do giãn cách xã hội kéo dài khiến cho việc thực hiện kế hoạch năm 2021 của Petchim gặp muôn vàn khó khăn, thách thức.
- Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, hoạt động dịch vụ hàng không của Công ty bị gián đoạn cũng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh chung cả năm.
- Trong lĩnh vực thương mại, Petchim phải đối mặt với mức độ cạnh tranh rất khốc liệt hơn, biên lợi nhuận ngày càng nhỏ và không mang lại hiệu quả đáng kể.
- Việc xử lý công nợ, tồn đọng tiếp tục tiêu tốn nguồn lực và chi phí của Công ty.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

1. Các hoạt động trọng tâm:

- Tích cực tham gia hoạt động thương mại đấu thầu cả trong và ngoài ngành Dầu khí;
- Quyết liệt trong quản lý dự án, đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả thực hiện HĐ nhằm bảo toàn doanh thu, lợi nhuận và nâng cao uy tín của Petchim;
- Kiên trì, nỗ lực trong công tác giải quyết tồn đọng, nợ xấu để thu hồi vốn và lành mạnh hoá các chỉ số tài chính;
- Tiếp tục quán triệt các biện pháp quản lý chặt chẽ để tiết kiệm chi tiêu;

- Áp dụng nhiều giải pháp đối phó với dịch bệnh, vừa chăm lo sức khoẻ cho CBNV, vừa cố gắng duy trì hiệu quả làm việc online để hoạt động của Công ty không bị đứt gãy;
- Phát huy mô hình task force trong hầu hết các HĐ/Dự án trọng điểm và chú trọng công tác nhân sự để nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực;
- Xây dựng môi trường làm việc tích cực, chuyên nghiệp, đoàn kết và hiệu quả;
- Không ngừng xúc tiến việc hợp tác, liên kết, liên doanh với các đối tác chiến lược để nâng cao vị thế, năng lực cạnh tranh và tìm kiếm cơ hội kinh doanh cho Petechim;
- Tận dụng sự ủng hộ của các cổ đông lớn để triển khai các hoạt động kinh doanh mới gắn với định hướng phát triển của ngành dầu khí và chiến lược phát triển hoạt động của tập đoàn Sovico trong cả lĩnh vực thương mại, dịch vụ và đầu tư, nhằm xây dựng hoạt động cốt lõi, ổn định cho Công ty;
- Tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên 2021.

2. Các chỉ tiêu chính đã đạt được năm 2021 của Công ty mẹ Petechim:

ĐVT: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Tỉ lệ % so với	
					KH 2021	TH 2020
1	Tổng doanh thu	211,14	320,00	126,75	39,61%	60,03%
2	Tổng chi phí	210,53	316,50	126,51	39,97%	60,09%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	0,61	3,50	0,24	6,86%	39,34%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	0,47	3,50	0,24	6,86%	51,06%
5	Nộp ngân sách Nhà nước	5,97	9,00	2,90	32,22%	48,58%

3. Đánh giá chung về kết quả kinh doanh năm 2021:

- Năm 2021, Công ty triển khai kế hoạch kinh doanh trong điều kiện dịch COVID-19 bùng phát trên phạm vi cả nước và đặc biệt là tại TP.HCM với những diễn biến phức tạp khó lường đặt ra nhiều thách thức, rủi ro trong việc thực hiện mục tiêu kinh doanh. Công ty phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt hơn trong điều kiện còn nhiều hạn chế về nguồn lực, số lượng và quy mô đơn hàng giảm mạnh khiến biên lợi nhuận của các HĐ thương mại ngày càng bị thu hẹp.
- Doanh thu cả năm đạt 126,75 tỷ đồng, tương đương 39,61% so với kế hoạch và bằng 60% so với năm 2020. LNST đạt 0,24 tỷ đồng, tương đương 6,86% so với kế hoạch và bằng 51% so với năm 2020.
- Tuy kết quả đạt được còn hạn chế, song với tinh thần đoàn kết, tập trung quyết liệt thực hiện các biện pháp phòng chống dịch và thực hiện các giải pháp trong điều hành sản xuất kinh doanh, Công ty vẫn kiên trì bám sát đối tác / khách hàng, tận dụng mọi cơ hội kinh doanh và nỗ lực hết sức để vượt khó.
- Công ty đã chủ động khắc phục khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch, không ngừng nỗ lực tham gia đấu thầu để tìm cơ hội ký được HĐ và tích lũy thu nhập qua từng đơn hàng. Trong năm, Công ty thực hiện đấu thầu 30 gói thầu, ký mới được 15 HĐ và thực hiện tổng cộng 31 HĐ, bao gồm cả các HĐ trong và ngoài ngành dầu khí như HĐ NKUT vật tư, thiết bị cho các dự án điện mặt trời, cung cấp nhựa đường, cung cấp thiết bị y tế chống dịch Covid-19,... Đồng thời tiếp tục khai thác các chuyến bay charter và làm dịch vụ hỗ trợ khai thác mặt đất để duy trì hoạt động trong mảng dịch vụ hàng hoá hàng không.

4. Các hoạt động đầu tư:

- Đầu tư góp vốn:

- + Petechim đã đầu tư góp vốn vào 04 doanh nghiệp với tổng số tiền 45,96 tỷ đồng.
- + Thực hiện Nghị quyết của HĐQT Công ty ngày 04/02/2021 về việc tái cấu trúc danh mục đầu tư, Petechim đã hoàn tất việc chuyển nhượng và thoái vốn tại Công ty GEC để tập trung nguồn lực cho các hoạt động thường xuyên theo định hướng kinh doanh.

- Đầu tư XDCB và mua sắm TSCĐ:

- + Trong năm 2021 Công ty không thực hiện đầu tư XDCB và mua sắm TSCĐ.
- + Tình hình sử dụng TSCĐ đến thời điểm hiện tại: theo Nghị quyết của HĐQT, Công ty đang triển khai việc bán lại CHXD tại Cà Mau để thu hồi vốn và cho thuê một phần diện tích trụ sở văn phòng tại quận 7, Tp HCM để tạo nguồn bù đắp chi phí hoạt động.

5. Công tác quản lý cổ đông:

- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 VNĐ chia làm 20.000.000 cổ phần.
- Tổng số cổ đông theo danh sách chốt ngày 18/03/2022: 3.691 cổ đông.

6. Các hoạt động phát triển kinh doanh

Công ty kiên trì thực hiện định hướng liên doanh, liên kết với các đối tác chiến lược để gia tăng năng lực cạnh tranh và mở rộng kinh doanh sang các lĩnh vực mới với mục tiêu tận dụng tối đa nguồn lực, kinh nghiệm và quan hệ để tích lũy doanh thu, lợi nhuận.

III. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 của đơn vị thành viên – Công ty PAIC

Năm 2021 dù gặp nhiều thách thức do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nhưng Công ty PAIC đã nỗ lực khắc phục khó khăn và phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đã đề ra. Doanh thu đạt 118,52 tỷ đồng (121% kế hoạch 2021 và bằng 124% năm 2020; Lợi nhuận sau thuế đạt 3,69 tỷ đồng (105% kế hoạch 2021 và bằng 109% năm 2020.

IV. Kết quả kinh doanh theo Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2021

1. Các chỉ tiêu kinh doanh hợp nhất năm 2021:

DVT: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kết quả BCTC riêng 2021		Kết quả BCTC hợp nhất 2021
		Công ty mẹ	PAIC	
1	Doanh thu BH & CCDV	126,75	118,52	245,27
2	Giá vốn	117,06	99,18	216,24
3	Lợi nhuận gộp	9,69	19,34	29,03
4	Lợi nhuận trước thuế	0,24	4,89	2,71
5	Lợi nhuận sau thuế	0,24	3,69	1,50

2. Đánh giá chung:

- Tổng doanh thu hợp nhất năm 2021 đạt 245,27 tỷ đồng, tương đương 58,68% kế hoạch năm và bằng 60% so với cùng kỳ năm 2020. Lợi nhuận trước thuế đạt 2,71 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 1,5 tỷ đồng (*chi tiết như Báo cáo Tài chính báo cáo tại ĐHĐCĐ*).
- Năm 2021, cả Petechim và PAIC đều gặp rất nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, nhất là tác động tiêu cực của đợt bùng phát dịch lần thứ 4. Tuy kết quả hợp nhất đạt được còn chưa đạt kế hoạch nhưng tập thể lãnh đạo và CBNV đã đoàn kết và nỗ lực hết sức mình để giải quyết khó khăn, tháo gỡ vướng mắc, vượt qua thách thức, nỗ lực phấn đấu cao nhất để thực hiện các mục tiêu kinh doanh.

PHẦN II KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

1. Dự báo tình hình kinh tế xã hội chung

- Tình hình quốc tế, trong nước có những thuận lợi và khó khăn, thách thức và cơ hội đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn do dịch COVID-19 còn có thể kéo dài, việc sống chung với dịch bệnh sẽ kéo theo những hệ lụy không nhỏ về cả kinh tế và xã hội.
- Bên cạnh đó, cuộc chiến tranh Nga - Ukraine đã tác động tiêu cực đến sự hồi phục của nền kinh tế toàn cầu, dự báo năm 2022 tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới thấp hơn cuối năm 2021. Ngành Dầu khí và Hàng không có khả năng sẽ phục hồi do nhu cầu trong nước tăng, tuy nhiên còn phụ thuộc vào diễn biến của trạng thái bình thường mới cũng như khả năng thích ứng an toàn, linh hoạt và hiệu quả của công tác kiểm soát dịch bệnh.

2. Kế hoạch các chỉ số tài chính chủ yếu năm 2022

• Kế hoạch riêng của Công ty Petechim

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	KH năm 2022
1	Doanh thu	250.000.000.000
2	Tổng chi phí chưa bao gồm chi phí lương	235.800.000.000
3	Tổng quỹ lương	11.200.000.000
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	3.000.000.000
5	Thuế TNDN (20%)	0
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.000.000.000
7	Tỷ lệ chia cổ tức (Dự kiến)	0%

• Kế hoạch hợp nhất của Công ty Petechim

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	KH năm 2022
1	Tổng doanh thu	350.000.000.000
2	Tổng chi phí	342.500.000.000
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	7.500.000.000
4	Thuế TNDN	900.000.000
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	6.600.000.000

3. Chương trình hành động năm 2022

➤ Mục tiêu:

Mục tiêu chiến lược:

Nâng cao năng lực cạnh tranh, củng cố hoạt động cốt lõi với mục tiêu nâng cao hiệu quả kinh doanh, gia tăng lợi nhuận, hài hoà lợi ích giữa chủ sở hữu, các cổ đông và người lao động.

Định hướng phát triển:

- Tập trung vào các lĩnh vực hoạt động gắn liền với chiến lược/định hướng phát triển của ngành Dầu khí và Tập đoàn Sovico với mục tiêu hàng đầu là bảo toàn vốn và thu được lợi nhuận, đồng thời đa dạng hoá các loại hình dịch vụ, xây dựng hoạt động lâu dài / cốt lõi tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của Công ty.
- Đóng vai trò cầu nối của Tập đoàn Sovico trong lĩnh vực dầu khí - năng lượng - logistics để tận dụng các cơ hội kinh doanh, đẩy mạnh hoạt động logistics và XNK phục vụ các dự án công nghiệp và năng lượng trong hệ sinh thái chung của Tập đoàn Sovico.

➤ **Kế hoạch hành động:** Trong năm 2022, Công ty phải hành động tích cực và quyết liệt trong tất cả các lĩnh vực để đạt được mục tiêu và kế hoạch được giao.

Đối với hoạt động SXKD:

• **Lĩnh vực Thương mại đầu thầu:**

- Duy trì hoạt động và giữ vững thị trường truyền thống trong ngành dầu khí với các đối tác lớn như VSP, PVGAS, PVEP, PVP, PVCFC, JOC, BSR, NSPR, ...
- Tăng cường bám sát để nắm bắt nhu cầu và tìm cơ hội cung cấp vật tư, thiết bị phục vụ vận hành và bảo dưỡng - sửa chữa trong các nhà máy điện.
- Phát huy kinh nghiệm, quan hệ đối tác để phát triển thị trường ngoài ngành dầu khí, mở rộng hoạt động thương mại, cung ứng dịch vụ nhằm gia tăng doanh thu và lợi nhuận.

• **Lĩnh vực Dịch vụ:**

- Tiếp tục khôi phục lại các hoạt động dịch vụ dầu khí truyền thống của Petechim, đồng thời phát triển lại các dịch vụ logistics khác như cung ứng nhiên liệu, dịch vụ hàng hải, đại lý tàu, dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác, khai thác kho bãi,....
- Tiếp tục khai thác các dịch vụ liên quan đến vận tải hàng hoá bằng đường hàng không.
- Nắm bắt thông tin các dự án Điện – NLTT (điện mặt trời, điện mặt trời áp mái, điện gió), LNG trong giai đoạn 2022 ~ 2025 để tham gia cung cấp vật tư, thiết bị và cung ứng dịch vụ logistics.
- Phối hợp với Công ty PAIC để tham gia tích cực và hiệu quả hơn trong lĩnh vực CNTT, chuyển đổi số và công nghệ 4.0 trên phạm vi cả nước với vai trò tư vấn, quản lý dự án, cung cấp nhân sự và dịch vụ bảo trì bảo dưỡng cho các dự án liên quan.

• **Lĩnh vực Đầu tư:**

- Dựa trên dự báo tình hình thị trường trong thời gian tới, đánh giá lại hiệu quả đầu tư và xem xét việc thoái vốn, tái cấu trúc danh mục đầu tư để tập trung nguồn vốn cho các hoạt động thường xuyên, tạo nguồn cho đầu tư trong lĩnh vực Năng lượng – Logistics, phù hợp với xu thế mới hiện nay và chủ động tạo ra thị trường để cung cấp dịch vụ.
- Phối hợp với Sovico để tìm kiếm cơ hội ký được các hợp đồng cung cấp hàng hoá và dịch vụ để vừa đem lại thu nhập, vừa tạo uy tín cho Petechim.
- Nghiên cứu cơ hội đầu tư phù hợp với quy mô và năng lực của Công ty.

- **Lĩnh vực marketing và phát triển thị trường:** tiếp tục củng cố quan hệ đối tác / khách hàng, tăng cường liên doanh – liên kết với các đối tác chiến lược để nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh nhằm gia tăng xác suất thành công trong công tác thương mại đầu thầu, đồng thời mở rộng thị trường và đa dạng hoá loại hình kinh doanh.

Đối với công tác điều hành:

• **Hoạt động tài chính:**

- Quản lý sát sao, tiết kiệm chi phí, có biện pháp phòng ngừa rủi ro và đảm bảo thu xếp vốn cho hoạt động SXKD.
- Quyết liệt để giải quyết dứt điểm tồn đọng và nợ xấu, thu hồi vốn và lành mạnh hoá tình hình tài chính của Công ty.
- Chú trọng công tác quản lý dự án để thanh quyết toán HĐ đúng hạn và bảo toàn hiệu quả kinh doanh, tránh phát sinh tồn đọng hoặc công nợ mới.

• **Hoạt động quản trị:**

- Tiếp tục chương trình tái cấu trúc, củng cố đội ngũ nhân sự theo hướng tinh gọn, chất lượng và hiệu quả.

- Hoàn thiện và áp dụng quy chế lương/thưởng phù hợp để khuyến khích sự sáng tạo và cống hiến của người lao động, gắn quyền lợi với trách nhiệm, lấy yếu tố con người làm động lực chính cho sự phát triển của Công ty.
- Không ngừng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy mô hình task force để phát huy nội lực và sức mạnh tập thể trong các HĐ/Dự án trọng điểm.

KIẾN NGHỊ

Ban điều hành đề xuất tiếp tục nhận được sự ủng hộ của các cổ đông, đặc biệt là các cổ đông lớn để hoàn thành kế hoạch được giao trong năm 2022 và Công ty đạt được các bước phát triển có tính đột phá trong giai đoạn mới, cụ thể như sau:

- Tiếp tục tạo điều kiện và kết nối cho Petechim với các đối tác, khách hàng, cùng tham gia nghiên cứu các cơ hội đầu tư, liên doanh liên kết và cung ứng dịch vụ thương mại.
- Hỗ trợ để ký kết được các HĐ thương mại, dịch vụ trong các dự án dầu khí, công nghiệp, năng lượng và logistics.

KẾT LUẬN

- Vào đầu năm 2021, nền kinh tế bắt đầu phục hồi và có những dấu hiệu tích cực, tuy nhiên từ cuối tháng 4, dịch Covid-19 tái bùng phát dữ dội ở nhiều địa phương, đặc biệt là Tp Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam, sau đó lan rộng trên phạm vi cả nước đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hầu hết các lĩnh vực SXKD và mọi hoạt động kinh tế xã hội dường như bị tê liệt trong suốt thời gian dài.
- Trong hoàn cảnh khó khăn chông chát, Công ty Petechim vẫn bền bỉ, kiên trì với chiến lược vừa duy trì hoạt động thương mại dịch vụ truyền thống để “lấy ngắn nuôi dài”, vừa nắm cơ hội mở rộng kinh doanh để tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững trong giai đoạn mới. Kết thúc năm 2021, tuy không hoàn thành kế hoạch được giao nhưng Công ty đã nỗ lực đến mức cao nhất để giữ vững kết quả lợi nhuận dương.
- Bước sang năm 2022, đại dịch Covid-19 vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, do đó Công ty đặt ra mục tiêu trước mắt là phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra, bảo toàn vốn chủ sở hữu, bảo đảm lợi ích của cổ đông và quyền lợi của người lao động. Đồng thời tiếp tục công tác tái cấu trúc và kiện toàn bộ máy nhân sự, tận dụng kinh nghiệm trong các hoạt động truyền thống để mở rộng sang các lĩnh vực kinh doanh mới và đa dạng hoá loại hình dịch vụ.

BDH chân thành cảm ơn sự quan tâm của HĐQT / Quý cổ đông và kính mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Quý cổ đông cũng như sự chỉ đạo của HĐQT nhằm triển khai thành công và hiệu quả các lĩnh vực kinh doanh mới để đóng góp vào kết quả SXKD năm 2022 và tạo nền móng cho sự phát triển bền vững của Petechim trong thời gian tới.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KHĐT, LTH (03).





BÁO CÁO VỀ CÁC NỘI DUNG TÀI CHÍNH

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Hội đồng quản trị Công ty CP Thương mại Dầu khí (PETECHIM JSC) trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 các nội dung tài chính như sau:

1. Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ tài chính 2021 đã được kiểm toán.
2. Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ niên độ 2021 đã được kiểm toán.
3. Đề xuất về phân phối lợi nhuận sau thuế.
4. Đề xuất chi trả thù lao HĐQT.

1. Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ tài chính 2021 đã được kiểm toán

- Báo cáo kết quả HĐSXKD hợp nhất niên độ tài chính 2021 (tóm tắt):

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	245.275.867.279	409.009.422.872
2. Giá vốn hàng bán	216.240.938.841	376.268.968.155
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	29.034.928.438	32.740.454.717
4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.526.871.121	130.025.667
5. Lợi nhuận khác	1.185.739.999	139.197.584
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.712.611.120	269.223.251
7. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	1.503.879.028	(780.041.043)
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(14)	(77)

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất niên độ tài chính 2021 (tóm tắt):

Đơn vị: VNĐ

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	248.635.240.650	331.433.357.155
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.766.200.238	62.827.678.380
Đầu tư tài chính ngắn hạn	46.818.857.603	45.786.290.756
Các khoản phải thu ngắn hạn	141.701.294.160	181.781.405.406
Hàng tồn kho	1.818.152.548	37.738.520.099
Tài sản ngắn hạn khác	530.736.101	3.299.462.514
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	77.538.181.672	92.173.922.134
Các khoản phải thu dài hạn	66.174.000	66.174.000
Tài sản cố định	49.286.015.770	63.936.803.615

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020
Dầu tư tài chính dài hạn	24.000.000.000	24.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	4.185.991.992	4.170.944.519
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	326.173.422.322	423.607.279.289
C. NỢ PHẢI TRẢ	96.290.380.904	179.711.763.534
Nợ ngắn hạn	78.900.050.804	158.456.915.634
Nợ dài hạn	17.390.330.100	21.254.847.900
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	229.883.041.418	243.895.515.755
Vốn chủ sở hữu	229.883.041.418	243.895.515.755
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	326.173.422.322	423.607.279.289

Ghi chú: Năm 2021, công ty đã thoái vốn khỏi công ty CP Năng Lượng Xanh GEC nên số liệu báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 không bao gồm số liệu của công ty GEC.

- **Một số chỉ số tài chính:**

	DVT	Niên độ 21	Niên độ 2020
I. Tỷ số thanh toán			
1. Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	3,15	2,09
2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	3,12	1,83
II. Tỷ số hoạt động			
1. Vòng quay khoản phải thu	Vòng	1,52	1,95
2. Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,75	0,97
3. Kỳ thu tiền trung bình	Ngày	240,79	187,21
III. Tỷ số nợ			
1. Tỷ số nợ/Tổng tài sản	%	29,52	42,42
2. Tỷ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	41,89	73,68

2. Báo cáo tài chính riêng niên độ tài chính 2021 đã được kiểm toán

- **Báo cáo kết quả HĐSXKD niên độ tài chính năm 2021 (tóm tắt):**

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu thuần bán hàng và CCDV	126.751.369.101	211.136.859.656
2. Giá vốn hàng bán	117.055.700.219	196.358.914.702
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	9.695.668.882	14.777.944.954
4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	(1.133.793.153)	1.092.104.803
5. Lợi nhuận khác	1.375.749.840	(486.644.611)
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	241.956.687	605.460.192
7. Lợi nhuận sau thuế TNDN	241.956.687	466.500.594

• Bảng cân đối kế toán niên độ tài chính 2021 (tóm tắt)

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN	171.703.151.297	211.081.084.515
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.606.763.464	52.104.341.981
Đầu tư tài chính ngắn hạn	37.518.857.603	24.486.290.756
Các khoản phải thu ngắn hạn	104.777.175.059	133.749.750.266
Hàng tồn kho	1.529.853.322	57.591.572
Tài sản ngắn hạn khác	270.501.849	683.109.950
B.TÀI SẢN DÀI HẠN	84.608.590.266	95.162.243.274
Các khoản phải thu dài hạn	35.000.000	35.000.000
Tài sản cố định	37.905.931.631	38.892.901.157
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	45.960.000.000	55.486.687.800
Tài sản dài hạn khác	707.658.665	747.654.317
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	256.311.741.563	306.243.327.789
C. NỢ PHẢI TRẢ	53.138.455.052	103.311.997.965
Nợ ngắn hạn	35.748.124.952	82.057.150.065
Nợ dài hạn	17.390.330.100	21.254.847.900
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	203.173.286.511	202.931.329.824
Vốn chủ sở hữu	203.173.286.511	202.931.329.824
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	256.311.741.563	306.243.327.789

3. Đề xuất về phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021:

Kết quả hoạt động SXKD năm 2021 của công ty đạt 241.956.687 VND. Tuy nhiên, công ty vẫn đang lỗ lũy kế 31,8 tỷ VNĐ nên HĐQT đề xuất sử dụng khoản lợi nhuận trên để bù lỗ theo quy định.

4. Đề xuất chi trả thù lao HĐQT năm 2022:

HĐQT đề xuất mức chi trả thù lao năm 2022 theo mức như sau:

STT	Thành phần HĐQT	Mức thù lao (VNĐ/năm)
1	Hội đồng quản trị	168.000.000
2	Ban kiểm soát	84.000.000
3	Phụ trách quản trị công ty	24.000.000
4	Trợ lý phụ trách quản trị công ty	18.000.000
	TỔNG CỘNG	294.000.000

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT (để biết, phối hợp);
- Lưu VT, P. TCKT, PTHY (03).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Đức Chính

Trần Đức Chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	13 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305447723, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 10 tháng 5 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 5411 2323
- Fax : +84 (028) 5411 2332

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông – lâm – ngư nghiệp; mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế; môi giới hàng hải; cho thuê tàu, phương tiện nổi, giàn khoan; dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ khai thuê hải quan; kinh doanh vận tải biển; đại lý vận tải biển; đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; xây dựng cầu cảng biển, công trình công nghiệp, công trình dân dụng, công trình dầu khí, công trình thủy điện; bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm, thiết bị viễn thông, thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh; lập trình máy vi tính; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính; xử lý dữ liệu; cho thuê và các hoạt động liên quan; quảng cáo; nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi, thiết bị liên lạc (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);...

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

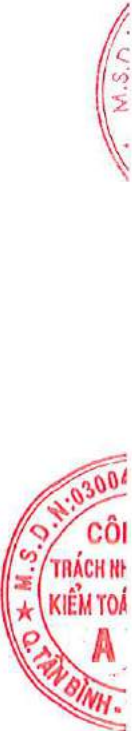
Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Đức Chính	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2018
Ông Đỗ Quang Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2016
Ông Võ Khánh Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Đoàn Thu Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Huỳnh Minh Triết	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Việt Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2021
Bà Lê Thu Hường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Đỗ Thị Bích Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2008



Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Đỗ Thị Bích Hà – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2022



Số: 1.0367/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 11 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày ở thuyết minh số V.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, khoản công nợ phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí với số tiền 33.245.000.000 VND đã quá hạn. Công ty đã nộp hồ sơ khiếu kiện lên Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu và đã nhận được Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí sẽ thanh toán nợ gốc và lãi cho Công ty thành 3 đợt từ ngày 30 tháng 4 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 với số tiền gốc là 33.345.000.000 VND và lãi là 900.000.000 VND. Tuy nhiên, cho đến thời điểm ký Báo cáo này, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí mới chỉ thanh toán 6.100.000.000 VND, số còn lại vẫn chưa thanh toán cho Công ty theo lịch trả nợ đã cam kết. Các bằng chứng kiểm toán hiện có vẫn chưa đủ để đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản nợ này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải lập dự phòng cho khoản công nợ này hay không cũng như số dự phòng cần phải trích lập, nếu có.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.


CÔNG TY TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A & C
Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1


Nguyễn Quang Châu - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2607-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		171.703.151.297	211.081.084.515
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	27.606.763.464	52.104.341.981
1. Tiền	111		12.992.166.303	22.629.246.638
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.614.597.161	29.475.095.343
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		37.518.857.603	24.486.290.756
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	37.518.857.603	24.486.290.756
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		104.777.175.059	133.749.750.256
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	98.395.275.779	111.066.403.613
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	13.892.138.566	21.376.884.305
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	1.918.331.325	10.756.882.221
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(9.428.570.611)	(9.450.419.883)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.529.853.322	57.591.572
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.529.853.322	57.591.572
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		270.501.849	683.109.950
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		270.501.849	683.109.950
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

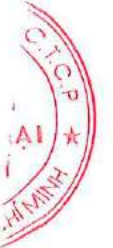
Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		84.608.590.266	95.162.243.274
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		35.000.000	35.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	35.000.000	35.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		37.905.931.601	38.892.901.157
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	35.838.947.400	36.811.950.504
- Nguyên giá	222		50.030.779.912	50.030.779.912
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.191.832.512)	(13.218.829.408)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	2.066.984.201	2.080.950.653
- Nguyên giá	228		2.334.472.660	2.334.472.660
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(267.488.459)	(253.522.007)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		45.960.000.000	55.486.687.800
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	21.960.000.000	31.486.687.800
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	24.000.000.000	24.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		707.658.665	747.654.317
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	707.658.665	747.654.317
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		256.311.741.563	306.243.327.789



08/12/2021
 TÀI CHÍNH VÀ THUẾ
 HỒ CHÍ MINH

M.S.C

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		53.138.455.052	103.311.997.965
I. Nợ ngắn hạn	310		35.748.124.952	82.057.150.065
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a, c	20.955.177.924	62.248.333.747
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1.839.991.147	9.430.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	416.445.730	181.768.558
4. Phải trả người lao động	314		-	7.415.039
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	3.054.541.279	1.704.416.820
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	9.413.797.535	8.417.044.564
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		68.171.337	68.171.337
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		17.390.330.100	21.254.847.900
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11b, c	17.390.330.100	21.254.847.900
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		203.173.286.511	202.931.329.824
I. Vốn chủ sở hữu	410		203.173.286.511	202.931.329.824
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16a, b, c	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16a	35.005.342.627	35.005.342.627
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16a	(31.832.056.116)	(32.074.012.803)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(32.074.012.803)	(32.074.012.803)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		241.956.687	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		256.311.741.563	306.243.327.789

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2022


Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	126.751.369.101	211.136.859.656
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		126.751.369.101	211.136.859.656
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	117.055.700.219	196.358.914.702
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.695.668.882	14.777.944.954
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.938.947.563	5.398.617.391
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.091.168.715	3.182.990.609
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	477.024.508
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	8.111.037.688	10.631.345.520
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	9.566.203.195	5.270.121.413
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.133.793.153)	1.092.104.803
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.216.361.964	76.857.080
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.840.612.124	563.501.691
13. Lợi nhuận khác	40		1.375.749.840	(486.644.611)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		241.956.687	605.460.192
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	-	138.959.598
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>241.956.687</u>	<u>466.500.594</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9		

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2022


Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		241.956.687	605.460.192
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, 9	986.969.556	1.094.566.954
- Các khoản dự phòng	03	V.6	(21.849.272)	(8.038.286.095)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	2.704.978	1.376.630.001
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(7.106.046.166)	(5.374.846.148)
- Chi phí lãi vay	06		-	477.024.508
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(5.896.264.217)	(9.859.450.588)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		29.897.229.331	28.835.545.688
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.472.261.750)	5.546.052.015
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(50.085.319.180)	(36.027.316.341)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		39.995.652	39.995.652
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	37.027.459.622
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(477.024.508)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(25.412.534)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(27.516.620.164)	25.059.849.006
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(18.032.566.847)	(6.173.557.178)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2b	13.260.000.000	1
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3	2.881.178.630	4.872.275.977
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.108.611.783	(1.301.281.200)

449
NG
HIỆM
ÁN V
&
T.P12
17
17
G
K
H

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	14.886.789.436
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(14.886.789.436)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.15	(79.801.472)	(64.069.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(79.801.472)</i>	<i>(64.069.000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(24.487.809.853)	23.694.498.806
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	52.104.341.981	28.403.922.698
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(9.768.664)	5.920.477
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	27.606.763.464	52.104.341.981

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2022



Phạm Thị Hồng Yến
Người lập



Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

315-C
TY
HỮU HẠ
À TƯ VẤN
G
HỒ CHÍ

3-C
Y
N
MA
H
CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các ảnh hưởng về tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 đã có ảnh hưởng đến Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc không thể ước tính được một cách hợp lý các ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty có các công ty con sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng xanh ⁽¹⁾	Ô 1, ấp Bắc, xã Hòa Long, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh doanh hóa chất, phụ gia xăng dầu	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Tầng 14, khu văn phòng (đơn nguyên giữa), tòa nhà CI Thành Công, phố Thành Công, phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội	Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch	51,85%	51,85%	51,85%

⁽¹⁾ Công ty đã chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng xanh theo Hợp đồng chuyển nhượng số 05/PETE.KHĐT-HĐCN/2021 ngày 08 tháng 3 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 42 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 80 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. **Các giao dịch bằng ngoại tệ**
Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty chỉ có chi phí kinh doanh dịch vụ dở dang liên quan đến các hợp đồng cung cấp thiết bị vật tư cho các công trình dầu khí và các kho xăng dầu chưa hoàn thành.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là: chi phí sửa chữa, bảo trì; chi phí công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa, bảo trì

Chi phí sửa chữa, bảo trì phản ánh các khoản chi phí phục vụ cho việc sửa chữa, bảo trì tầng 11 tòa nhà đang thuê, khoản chi phí này được phân bổ vào chi phí tương ứng với thời gian thuê (552 tháng).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước phản ánh khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất ở Cà Mau. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (549 tháng).

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 46
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	04

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian sử dụng lâu nhất là 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

23-
TY
AN
MA
KHÍ
5CH



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

0300
CỔ
TÁCH
ĐỀM T
A
ĐÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

18. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính (không bao gồm khoản đầu tư vào công ty con).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và chi phí phải trả.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	254.205.022	168.191.790
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.737.961.281	22.461.054.848
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) ⁽ⁱ⁾	14.614.597.161	29.475.095.343
Cộng	27.606.763.464	52.104.341.981

⁽ⁱ⁾ Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,8%/năm đến 4,7%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 13.854.695.677 VND đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo để vay vốn tại ngân hàng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 5 tháng đến 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh với lãi suất từ 3,45%/năm đến 4,9%/năm.

Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn này để đảm bảo cho khoản vay vốn tại ngân hàng này.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con						
Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng xanh	21.960.000.000	-		31.486.687.800	-	
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hoá Dầu khí	21.960.000.000	-	18.666.000.000	21.960.000.000	-	19.983.600.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	11.000.000.000	-		11.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	10.000.000.000	-		10.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	3.000.000.000	-		3.000.000.000	-	
Cộng	45.960.000.000	-		55.486.687.800	-	

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Trong năm Công ty đã chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng xanh cho Ông Trần Văn Cảnh với giá 13.260.000.000 VND. Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hoá Dầu khí vẫn đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Công ty có các giao dịch với các công ty con như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng xanh		
Bán hàng hóa	8.095.238	3.342.370.000
Phí thuê kho	-	14.448.611
Nhận cổ tức	-	1.639.288.192
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí		
Nhận cổ tức	1.318.000.000	878.000.000
Nhận tiền chi hộ	30.062.937	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan)	-	84.190.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Năng lượng MCD Việt Nam	27.387.278.531	27.387.278.531
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM	20.030.664.075	12.715.994.496
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	14.191.211.600	12.296.957.400
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí ⁽ⁱ⁾	33.245.000.000	33.245.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hàng không Viễn Đông	-	1.121.695.265
Liên doanh Việt Nga Vietsovetro	931.644.488	2.393.133.694
Các khách hàng khác	1.677.832.597	21.822.154.227
Cộng	<u>98.395.275.779</u>	<u>111.066.403.613</u>

(i) Khoản công nợ phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí đã quá hạn. Công ty đã nộp hồ sơ khiếu kiện lên Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu và đã nhận được Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí sẽ thanh toán nợ gốc và lãi cho Công ty thành 3 đợt từ ngày 30 tháng 4 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 với số tiền gốc là 33.345.000.000 VND và lãi là 900.000.000 VND. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí mới chỉ thanh toán 6.100.000.000 VND, số còn lại vẫn chưa thanh toán cho Công ty theo lịch trả nợ đã cam kết.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Hưng Yên	7.773.056.067	7.773.056.067
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật MEGA	818.099.728	9.075.761.748
Công ty TNHH Năng lượng NMT	3.963.413.344	4.042.469.344
Các nhà cung cấp khác	1.337.569.427	485.597.146
Cộng	<u>13.892.138.566</u>	<u>21.376.884.305</u>

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hoá Dầu khí (là bên liên quan) - phải thu cổ tức	1.317.600.000	-	878.000.000	-
Các khoản ký quỹ	48.703.240	-	8.332.002.530	-
Lãi dự thu	552.028.085	-	500.072.749	-
Phải thu khác	-	-	1.046.806.942	-
Cộng	<u>1.918.331.325</u>	<u>-</u>	<u>10.756.882.221</u>	<u>-</u>

5b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Nợ quá hạn**

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Schlumberger Seaco Inc.	Trên 3 năm	19.402.858	-	Trên 3 năm	19.402.858	-
Swiber Offshore Construction Pte. Ltd.	Trên 3 năm	101.541.625	-	Trên 3 năm	101.541.625	-
DNTN Cà phê Minh Tiến	Trên 3 năm	562.006.000	-	Trên 3 năm	562.006.000	-
Công ty TNHH Cần ống khoan Dầu khí Việt Nam	Trên 3 năm	52.395.750	-	Trên 3 năm	52.395.750	-
Công ty TNHH Hưng Yên	Trên 3 năm	7.773.056.067	-	Trên 3 năm	7.773.056.067	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê chứa Dầu khí	Trên 3 năm	33.245.000.000	33.245.000.000	Trên 3 năm	33.245.000.000	33.245.000.000
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	25.298.994	7.589.698
	Trên 3 năm	920.168.311	-	Trên 3 năm	894.869.317	-
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	453.411.766	453.411.766	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	98.129.900	68.690.930
Công ty Cổ phần Xây dựng Năng lượng MCD Việt Nam	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.818.189.635	1.818.189.635	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	25.569.088.896	25.569.088.896
	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	25.569.088.896	25.569.088.896		-	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	20.030.664.075	20.030.664.075		-	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Bầu trời Thái Bình Dương Việt Nam	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.349.496.890	1.349.496.890
Cộng		90.544.924.983	81.116.354.372		69.690.286.297	60.239.866.414

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(9.450.419.883)	(14.715.926.356)
Hoàn nhập dự phòng	21.849.272	5.265.506.473
Số cuối năm	(9.428.570.611)	(9.450.419.883)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí dở dang của các hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ:				
- Dự án cung cấp hóa chất Borax	1.472.261.750	-	-	-
- Các dự án khác	57.591.572	-	57.591.572	-
Cộng	1.529.853.322	-	57.591.572	-

8. Tài sản cố định hữu hình

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác
Nguyên giá	46.553.733.671	1.692.280.910	1.728.850.583	55.914.748
Số đầu năm	46.553.733.671	1.692.280.910	1.728.850.583	55.914.748
Số cuối năm	46.553.733.671	1.692.280.910	1.728.850.583	55.914.748
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.795.591.151	1.692.280.910	1.728.850.583	55.914.748
Chờ thanh lý	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	9.741.783.167	1.692.280.910	1.728.850.583	55.914.748	13.218.829.408
Khấu hao trong năm	973.003.104	-	-	-	973.003.104
Số cuối năm	10.714.786.271	1.692.280.910	1.728.850.583	55.914.748	14.191.832.512
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	36.811.950.504	-	-	-	36.811.950.504
Số cuối năm	35.838.947.400	-	-	-	35.838.947.400
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.180.000.000	154.472.660	2.334.472.660
Số cuối năm	2.180.000.000	154.472.660	2.334.472.660
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	154.472.660	154.472.660
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	99.049.347	154.472.660	253.522.007
Khấu hao trong năm	13.966.452	-	13.966.452
Số cuối năm	113.015.799	154.472.660	267.488.459
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.080.950.653	-	2.080.950.653
Số cuối năm	2.066.984.201	-	2.066.984.201
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất trả trước	58.707.745	60.172.681
Chi phí sửa chữa, bảo trì	633.740.927	653.598.131
Chi phí công cụ, dụng cụ	15.209.993	33.883.505
Cộng	707.658.665	747.654.317

11. Phải trả người bán**11a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan)	3.864.517.800	3.864.517.800
Technical America Inc.	-	12.465.460.000
Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường LILAMA	-	12.210.367.206
Công ty TNHH Đầu tư và Giải pháp công nghệ tổng hợp Leveltech	12.918.944.736	5.922.503.254
SJ Solar + Storage Pte., Ltd.	-	26.012.428.128
Các nhà cung cấp khác	4.171.715.388	1.773.057.359
Cộng	20.955.177.924	62.248.333.747

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11b. Phải trả người bán dài hạn

Khoản phải trả cho Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan).

Ngày 15 tháng 10 năm 2012, Công ty đã ký Hợp đồng số 378/PVOIL.TCKT.PETECHIM/06-12/B với Tổng công ty Dầu Việt Nam về việc nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là toàn bộ tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh. Tổng giá trị hợp đồng là 50.238.731.400 VND bao gồm tiền sử dụng đất, 2% phí bảo trì tòa nhà và thuế giá trị gia tăng. Khoản nợ này được trả chậm trong vòng 15 năm (sau 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng các bên sẽ xem xét lại thời hạn trả chậm). Nợ gốc sẽ được trả theo số tiền cố định bình quân mỗi nửa năm tính trên số năm của hợp đồng và thanh toán lãi trả chậm mỗi nửa năm. Lãi trả chậm được tính dựa trên số dư nợ gốc giảm dần theo năm thanh toán với lãi suất huy động năm thời hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày cuối cùng của kỳ tính lãi. Giá gốc để tính lãi trả chậm bằng 95% giá trị hợp đồng, 5% còn lại sẽ được gộp vào tính lãi khi Tổng công ty Dầu Việt Nam thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí.

Lịch trả nợ được thực hiện theo biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	3.864.517.800	3.864.517.800
Trên 1 năm đến 5 năm	17.390.330.100	15.458.071.200
Trên 5 năm	-	5.796.776.700
Cộng	21.254.847.900	25.119.365.700
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	3.864.517.800	3.864.517.800
Số phải trả sau 12 tháng	17.390.330.100	21.254.847.900

11c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Khoản trả trước tiền mua hàng hóa của Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	110.257.180	(110.257.180)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	754.757.412	(754.757.412)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.184.786	(2.184.786)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	181.768.558	600.245.495	(365.568.323)	416.445.730
Thuế nhà thầu	-	1.128.261.336	(1.128.261.336)	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	5.824.000	(5.824.000)	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	181.768.558	2.604.530.209	(2.369.853.037)	416.445.730

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cước vận tải quốc tế	:	0%
- Bán hàng hóa và dịch vụ khác	:	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	241.956.687	605.460.192
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	799.569.464	456.864.223
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.393.000.000)	(2.892.630.535)
Thu nhập chịu thuế/tính thuế	(351.473.849)	(1.830.306.120)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	138.959.598
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	138.959.598

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế được chuyển sang trừ vào thu nhập chịu thuế các năm sau do đánh giá tình hình kinh doanh có thể bị tác động không tốt vì ảnh hưởng của dịch bệnh.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí cung cấp hệ thống pha chế E5- E10	379.836.480	379.836.480
Chi phí giá vốn dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2	2.160.195.439	929.522.964
Dự án Nghi Sơn	209.610.000	209.610.000
Chi phí phải trả khác	304.899.360	185.447.376
Cộng	3.054.541.279	1.704.416.820

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan) – lãi trả chậm	3.655.491.279	2.648.683.387
Cổ tức phải trả	4.918.347.978	4.998.149.450
Kinh phí công đoàn	85.803.710	50.813.506
Nhận ký quỹ làm đại lý hàng hóa	650.000.000	650.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	104.154.568	69.398.221
Cộng	9.413.797.535	8.417.044.564

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu**16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	35.005.342.627	(32.540.513.397)	202.464.829.230
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	466.500.594	466.500.594
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	35.005.342.627	(32.074.012.803)	202.931.329.824
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	35.005.342.627	(32.074.012.803)	202.931.329.824
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	241.956.687	241.956.687
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	35.005.342.627	(31.832.056.116)	203.173.286.511

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Dầu Việt Nam	58.000.000.000	29,0	58.000.000.000	29,0
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Trảng An	46.200.000.000	23,1	46.200.000.000	23,1
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Liên Minh Việt Nam	-	-	22.000.000.000	11,0
Ông Dương Công Ái	33.800.000.000	16,9	33.800.000.000	16,9
Các cổ đông khác	62.000.000.000	31,0	40.000.000.000	20,0
Cộng	200.000.000.000	100,0	200.000.000.000	100,0

16c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	4.329,69	12.673,57
Euro (EUR)	3.232,03	3.231,98

11/5/2021
CỔ ĐÔNG
TƯ
W

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	108.286.010.166	131.219.799.236
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.465.358.935	79.917.060.420
Cộng	<u>126.751.369.101</u>	<u>211.136.859.656</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng với các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác (năm trước chỉ phát sinh giao dịch bán hàng cho Tổng công ty Dầu Việt Nam với số tiền là 679.000.000 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	103.705.235.372	119.673.824.391
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.350.464.847	76.685.090.311
Cộng	<u>117.055.700.219</u>	<u>196.358.914.702</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	1.979.733.966	2.487.557.956
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.393.000.000	2.887.288.192
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	832.901.397	20.010.865
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư	3.733.312.200	-
Doanh thu khác	-	3.760.378
Cộng	<u>7.938.947.563</u>	<u>5.398.617.391</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	-	477.024.508
Lãi trả chậm	1.080.547.892	1.526.510.447
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.915.845	75.605.276
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.704.978	1.376.630.001
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(272.779.623)
Cộng	<u>1.091.168.715</u>	<u>3.182.990.609</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.746.131.209	6.946.564.627
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.401.668	2.401.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	663.895.057	1.037.133.976
Các chi phí khác	2.698.609.754	2.645.245.249
Cộng	<u>8.111.037.688</u>	<u>10.631.345.520</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.596.437.820	4.173.108.732
Chi phí đồ dùng văn phòng	39.156.321	36.129.048
Chi phí khấu hao tài sản cố định	986.969.556	1.094.566.954
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(21.849.272)	(5.265.506.473)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.682.336.936	1.884.836.936
Các chi phí khác	2.283.151.834	3.346.986.216
Cộng	<u>9.566.203.195</u>	<u>5.270.121.413</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Được phạt do nhận bồi thường vi phạm hợp đồng	3.012.836.657	76.857.080
Các khoản công nợ không phải trả	203.525.307	-
Cộng	<u>3.216.361.964</u>	<u>76.857.080</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các khoản truy thu và phạt thuế	211.554.912	148.618.771
Phạt do vi phạm hợp đồng	1.629.057.212	86.607.080
Thu nhập khác	-	328.275.840
Cộng	<u>1.840.612.124</u>	<u>563.501.691</u>

9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí mua hàng hóa	112.493.226.791	133.608.652.512
Chi phí nhân công	9.342.569.029	11.119.673.359
Chi phí khấu hao tài sản cố định	986.969.556	1.094.566.954
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.696.696.840	79.808.228.593
Chi phí khác	4.959.912.316	765.255.708
Cộng	<u>143.479.374.532</u>	<u>226.396.377.126</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 602.894.120 VND (năm trước là 850.780.000 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Dầu Việt Nam	Cổ đông góp 29% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Trảng An	Cổ đông góp 23,1% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng xanh	Công ty con đến ngày 31 tháng 3 năm 2022
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Công ty con

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b và giao dịch bán hàng cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với Tổng công ty Dầu Việt Nam như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua hàng hóa	9.500.000	3.218.181.818
Lãi trả chậm	1.080.547.892	1.526.510.447
Cần trừ công nợ	84.190.000	-

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a, V.11a, V.11b và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. **Thông tin về bộ phận**

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phục vụ các công trình dầu khí và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

3. **Quản lý rủi ro tài chính**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.606.763.464	-	27.606.763.464
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	37.518.857.603	-	37.518.857.603
Phải thu khách hàng	7.850.350.796	90.544.924.983	98.395.275.779
Các khoản phải thu khác	1.869.628.085	-	1.869.628.085
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.000.000.000	-	24.000.000.000
Cộng	98.845.599.948	90.544.924.983	189.390.524.931
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.104.341.981	-	52.104.341.981
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	24.486.290.756	-	24.486.290.756
Phải thu khách hàng	41.376.117.316	69.690.286.297	111.066.403.613
Các khoản phải thu khác	2.424.879.691	-	2.424.879.691
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.000.000.000	-	24.000.000.000
Cộng	144.391.629.744	69.690.286.297	214.081.916.041

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	20.955.177.924	17.390.330.100	-	38.345.508.024
Các khoản phải trả khác	12.278.380.536	-	-	12.278.380.536
Cộng	33.233.558.460	17.390.330.100	-	50.623.888.560
Số đầu năm				
Phải trả người bán	62.248.333.747	15.458.071.200	5.796.776.700	83.503.181.647
Các khoản phải trả khác	10.001.249.657	-	-	10.001.249.657
Cộng	72.249.583.404	15.458.071.200	5.796.776.700	93.504.431.304

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD, EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản thuần có gốc USD của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.329,69	12.673,57
Phải thu khách hàng	-	22.439,00
Phải trả người bán	(5.618,06)	(541.172,50)
Tài sản thuần có gốc USD	(1.288,37)	(506.059,93)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuần có gốc EUR của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.232,03	3.231,98
Phải trả người bán	-	(909.144,00)
Tài sản thuần có gốc EUR	<u>3.232,03</u>	<u>(905.912,02)</u>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.854.695.677	24.036.890.586
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	37.518.857.603	7.856.306.563
Cộng	<u>51.373.553.280</u>	<u>31.893.197.149</u>

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.606.763.464	-	52.104.341.981	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	37.518.857.603	-	24.486.290.756	-
Phải thu khách hàng	98.395.275.779	(9.428.570.611)	111.066.403.613	(9.450.419.883)
Các khoản phải thu khác	1.869.628.085	-	2.424.879.691	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.000.000.000	-	24.000.000.000	-
Cộng	<u>189.390.524.931</u>	<u>(9.428.570.611)</u>	<u>214.081.916.041</u>	<u>(9.450.419.883)</u>

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	38.345.508.024	83.503.181.647
Các khoản phải trả khác	12.278.380.536	10.001.249.657
Cộng	<u>50.623.888.560</u>	<u>93.504.431.304</u>

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh lại số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2022

Phạm Thị Hồng Yên
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	13 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305447723, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 10 tháng 5 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 5411 2323
- Fax : +84 (028) 5411 2332

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông – lâm – ngư nghiệp; mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế; môi giới hàng hải; cho thuê tàu, phương tiện nổi, giàn khoan; dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ khai thuê hải quan; kinh doanh vận tải biển; đại lý vận tải biển; đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; xây dựng cầu cảng biển, công trình công nghiệp, công trình dân dụng, công trình dầu khí, công trình thủy điện; bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm, thiết bị viễn thông, thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh; lập trình máy vi tính; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính; xử lý dữ liệu; cho thuê và các hoạt động liên quan; quảng cáo; nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi, thiết bị liên lạc (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);...

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Đức Chính	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2018
Ông Đỗ Quang Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2016
Ông Võ Khánh Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Đoàn Thu Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Huỳnh Minh Triết	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Việt Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2021
Bà Lê Thu Hường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Đỗ Thị Bích Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2008

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Đỗ Thị Bích Hà – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2022



11/3/2022

Số: 1.0368/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 11 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày ở thuyết minh số V.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản công nợ phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí với số tiền 33.245.000.000 VND đã quá hạn. Công ty đã nộp hồ sơ khiếu kiện lên Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu và đã nhận được Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí sẽ thanh toán nợ gốc và lãi cho Công ty thành 3 đợt từ ngày 30 tháng 4 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 với số tiền gốc là 33.345.000.000 VND và lãi là 900.000.000 VND. Tuy nhiên, cho đến thời điểm ký Báo cáo này Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí mới chỉ thanh toán 6.100.000.000 VND, số còn lại vẫn chưa thanh toán cho Công ty theo lịch trả nợ đã cam kết. Các bằng chứng kiểm toán hiện có vẫn chưa đủ để đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản nợ này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải lập dự phòng cho khoản công nợ này hay không cũng như số dự phòng cần phải trích lập, nếu có.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2022 .



Nguyễn Quang Châu - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2607-2018-008-1

177
G
PH
NG
JUI
TPH



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		248.635.240.650	331.433.357.155
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	57.766.200.238	62.827.678.380
1. Tiền	111		16.615.250.577	25.352.583.037
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.150.949.661	37.475.095.343
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		46.818.857.603	45.786.290.756
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	46.818.857.603	45.786.290.756
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		141.701.294.160	181.781.405.406
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	136.842.374.768	155.840.991.076
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	15.214.576.255	25.686.032.505
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	3.483.406.724	13.512.206.317
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(13.839.063.587)	(13.257.824.492)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.818.152.548	37.738.520.099
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.818.152.548	37.738.520.099
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		530.736.101	3.299.462.514
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	197.785.936	260.839.269
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		270.501.849	2.958.973.152
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	62.448.316	79.650.093
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		77.538.181.672	92.173.922.134
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		66.174.000	66.174.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	66.174.000	66.174.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		49.286.015.770	63.936.803.615
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	47.219.031.569	54.349.694.912
-	- Nguyên giá	222		68.925.627.190	84.485.311.381
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.706.595.621)	(30.135.616.469)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
-	- Nguyên giá	225		-	-
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2.066.984.201	9.587.108.703
-	- Nguyên giá	228		2.613.135.660	10.119.293.710
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(546.151.459)	(532.185.007)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
-	- Nguyên giá	231		-	-
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		24.000.000.000	24.000.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	24.000.000.000	24.000.000.000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		4.185.991.902	4.170.944.519
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	3.401.055.175	2.791.267.950
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269	V.11	784.936.727	1.379.676.569
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		326.173.422.322	423.607.279.289

49815.
 CÔNG TY
 GIỚI HỮU
 H VÀ TỬ
 & C
 P. PHỐ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C -	NỢ PHẢI TRẢ	300		96.290.380.904	179.711.763.534
I.	Nợ ngắn hạn	310		78.900.050.804	158.456.915.634
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a, c	55.735.658.024	128.979.729.504
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	2.343.479.814	9.763.500.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.011.775.710	987.809.401
4.	Phải trả người lao động	314		3.774.647.044	2.685.787.576
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	4.377.232.293	5.915.285.118
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	11.392.690.432	9.755.318.567
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	264.567.487	369.485.468
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		17.390.330.100	21.254.847.900
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b, c	17.390.330.100	21.254.847.900
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		229.883.041.418	243.895.515.755
I. Vốn chủ sở hữu	410		229.883.041.418	243.895.515.755
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18a, b, c	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18a	35.044.156.277	35.799.901.087
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18a	(28.364.723.745)	(24.366.011.883)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(28.092.136.147)	(24.366.011.883)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(272.587.598)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.18a	23.203.608.886	32.461.626.551
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		326.173.422.322	423.607.279.289

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2022


Phạm Thị Hồng Yến
người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	245.275.867.279	409.009.422.872
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		245.275.867.279	409.009.422.872
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	216.240.938.841	376.268.968.155
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.034.928.438	32.740.454.717
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.198.163.566	4.727.306.315
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.091.168.715	3.182.990.609
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	477.024.508
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	9.818.473.765	12.269.829.578
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	23.796.578.403	21.884.915.178
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.526.871.121	130.025.667
12. Thu nhập khác	31	VI.7	3.227.271.056	1.018.777.326
13. Chi phí khác	32	VI.8	2.041.531.057	879.579.742
14. Lợi nhuận khác	40		1.185.739.999	139.197.584
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.712.611.120	269.223.251
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	1.208.732.092	1.021.633.374
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	27.630.920
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.503.879.028</u>	<u>(780.041.043)</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>(272.587.598)</u>	<u>(1.533.869.599)</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.776.466.626	753.828.556
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a, b	<u>(14)</u>	<u>(77)</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9a, b	<u>(14)</u>	<u>(77)</u>

TRẮC KIỂM
TÀI CHÍNH

44

PHỤ LỤC
DANH MỤC



Phạm Thị Hồng Yến
Người lập



Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.712.611.120	269.223.251
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10, 11	2.013.171.066	2.813.975.894
- Các khoản dự phòng	03	V.6	581.239.095	(5.000.302.129)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	2.704.978	1.376.630.001
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.3	(6.365.262.169)	(4.639.205.992)
- Chi phí lãi vay	06		-	477.024.508
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.055.535.910)	(4.702.654.467)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		36.592.200.776	57.544.422.763
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.095.278.235)	(14.137.066.838)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(50.481.702.955)	(37.242.514.336)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(554.373.239)	(1.892.085.877)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	37.027.459.622
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(477.024.508)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(1.083.562.433)	(2.112.586.832)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(244.175.000)	(170.525.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(18.922.426.996)	33.837.424.527
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(952.784.932)	(11.519.174.459)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	40.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(17.345.355.888)	(16.173.557.178)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		16.312.789.041	18.011.890.411
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	I.6a	13.047.210.770	1
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3	3.437.594.399	4.726.393.601
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		14.499.453.390	(4.914.447.624)

0044
ĐƠN
HÀNH
TOÁN
A &
H.T.723.0
TY
HÀM
G.M.
KHÍ
HỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	14.886.789.436	-	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(14.886.789.436)	-	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16, 18a	(628.735.872)	(1.929.185.381)	-	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(628.735.872)</i>	<i>(1.929.185.381)</i>		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(5.051.709.478)	26.993.791.522		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	62.827.678.380	35.827.966.381		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(9.768.664)	5.920.477		
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>57.766.200.238</u>	<u>62.827.678.380</u>		

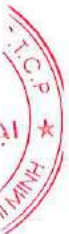
Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty” hoặc “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của các công ty trong Tập đoàn nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các ảnh hưởng về tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 đã có ảnh hưởng đến các công ty trong Tập đoàn. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc không thể ước tính được một cách hợp lý các ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (là công ty con) chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về thoái vốn

Ngày 08 tháng 3 năm 2021, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ 51% cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh.

Tài sản và nợ phải trả của Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Xanh tại ngày thoái vốn như sau:

Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	212.789.230
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.965.963.251
Phải thu ngắn hạn khác	864.126.018
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.884.363.091
Hàng tồn kho	33.551.012.811
Chi phí trả trước ngắn hạn	7.639.347

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản	
Nguyên giá TSCĐ hữu hình	16.512.469.123
Giá trị hao mòn TSCĐ hữu hình	(10.227.816.084)
Nguyên giá TSCĐ vô hình	7.506.158.050
Nợ phải trả	
Phải trả người bán ngắn hạn	33.173.866.899
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	82.368.568
Phải trả ngắn hạn khác	131.580.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	199.735.948
	<u>19.689.153.422</u>
Tài sản thuần	
Tỷ lệ vốn chuyển nhượng	51%
Tài sản thuần chuyển nhượng	<u>10.041.468.246</u>
Lãi/(Lỗ) liên quan đến thoái vốn tại Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Xanh như sau:	
Giá chuyển nhượng	13.260.000.000
Lợi thế thương mại chưa được phân bổ	(394.330.464)
Phần tài sản thuần chuyển giao cho bên khác	(10.041.468.246)
Lãi/(Lỗ) thoái vốn	<u>2.824.201.290</u>
Tiền thu thuần từ việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Xanh:	
Thu bằng tiền	13.260.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền của công ty con tại ngày chuyển nhượng	(212.789.230)
Tiền thu thuần	<u>13.047.210.770</u>

6b. Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Tầng 14, khu văn phòng (đơn nguyên giữa), tòa nhà C1 Thành Công, phố Thành Công, phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội	Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch	51,85%	51,85%	51,85%	51,85%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 116 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 133 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa các công ty trong Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi các công ty trong Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi các công ty trong Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi các công ty trong Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi các công ty trong Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi các công ty trong Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi các công ty trong Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi các công ty trong Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí sửa chữa, bảo trì các tòa nhà, văn phòng đang thuê. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 46
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	04

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian sử dụng lô đất là 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán; cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty mẹ.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ; có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể, có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bán thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và chi phí phải trả.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	460.048.172	376.703.612
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.155.202.405	24.975.879.425
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) ⁽ⁱ⁾	41.150.949.661	37.475.095.343
Cộng	<u>57.766.200.238</u>	<u>62.827.678.380</u>

⁽ⁱ⁾ Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,8%/năm đến 4,7%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 13.854.695.677 VND đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo để vay vốn tại ngân hàng này.

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 5 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 3,1%/năm đến 6,75%/năm (lãi suất năm trước từ 4,0% - 5,8%/năm).

Trong đó:

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 37.518.857.603 VND đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo để vay vốn tại ngân hàng này.
- Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.900.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.900.000.000 VND) đang bị hạn chế sử dụng. Khoản tiền này sẽ được sử dụng trong tương lai khi có hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	24.000.000.000	24.000.000.000

Thông tin chi tiết về các công ty trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh các sản phẩm khí và dầu mỏ	5,50%	5,50%
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan	2,00%	2,00%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Quảng Ngãi	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan	2,14%	2,14%

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan)	-	84.190.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Năng lượng MCD Việt Nam	27.387.278.531	27.387.278.531
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM	20.030.664.075	12.715.994.496
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	14.191.211.600	12.296.957.400
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí ⁽ⁱ⁾	33.245.000.000	33.245.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hàng không Viễn Đông	-	1.121.695.265
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	2.828.015.387	8.069.406.822
Liên doanh Việt Nga Vietsovet	931.644.488	2.393.133.694
Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist	6.535.017.720	15.273.253.160
Công ty TNHH - Tổng công ty Thăm dò khai thác Dầu khí	5.337.142.199	-
Trung tâm Hỗ trợ phát triển Công nghiệp	14.836.352.500	-
Các khách hàng khác	11.520.048.268	43.254.081.708
Cộng	136.842.374.768	155.840.991.076

- ⁽ⁱ⁾ Khoản công nợ phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí đã quá hạn. Công ty đã nộp hồ sơ khiếu kiện lên Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu và đã nhận được Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí sẽ thanh toán nợ gốc và lãi cho Công ty thành 3 đợt từ ngày 30 tháng 4 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 với số tiền gốc là 33.345.000.000 VND và lãi là 900.000.000 VND. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí mới chỉ thanh toán 6.100.000.000 VND, số còn lại vẫn chưa thanh toán cho Công ty theo lịch trả nợ đã cam kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Hưng Yên	7.773.056.067	7.773.056.067
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật MEGA	818.099.728	9.075.761.748
Công ty TNHH Năng lượng NMT	3.963.413.344	4.042.469.344
Công ty TNHH Dịch vụ và Công nghệ AZ Việt	-	3.744.523.200
Các nhà cung cấp khác	2.660.007.116	1.050.222.146
Cộng	15.214.576.255	25.686.032.505

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam - chi phí dự án sản xuất thử nghiệm pin mặt trời	1.646.068.395	1.646.068.395	1.646.068.395	1.152.247.876
Tạm ứng	199.067.039	-	506.004.798	-
Các khoản ký quỹ	418.535.509	-	8.332.902.530	-
Lãi dự thu	1.219.735.781	-	1.116.269.301	-
Phải thu khác	-	-	1.910.961.293	-
Cộng	3.483.406.724	1.646.068.395	13.512.206.317	1.152.247.876

5b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ.

6. Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Schlumberger Seaco Inc.	Trên 3 năm	19.402.858	-	Trên 3 năm	19.402.858	-
Swiber Offshore Construction Pte. Ltd.	Trên 3 năm	101.541.625	-	Trên 3 năm	101.541.625	-
DNTN Cà phê Minh Tiến	Trên 3 năm	562.006.000	-	Trên 3 năm	562.006.000	-
Công ty TNHH Cần ống khoan Dầu khí Việt Nam	Trên 3 năm	52.395.750	-	Trên 3 năm	52.395.750	-
Công ty TNHH Hưng Yên	Trên 3 năm	7.773.056.067	-	Trên 3 năm	7.773.056.067	-
Công ty Cổ phần Xây Lắp Đường Ống Bể Chứa Dầu Khí	Trên 3 năm	33.245.000.000	33.245.000.000	Trên 3 năm	33.245.000.000	33.245.000.000
Liên doanh Việt Nga Vietsovetro	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	25.298.994	7.589.698
	Trên 3 năm	920.168.311	-	Trên 3 năm	894.869.317	-
Công ty Cổ phần phân bón dầu khí Cà Mau (PVCFC)	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	453.411.766	453.411.766	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	98.129.900	68.690.930
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Bầu trời Thái Bình Dương Việt Nam		-	-	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.349.496.890	1.349.496.890
Công ty Cổ phần Xây dựng Năng lượng MCD Việt Nam	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.818.189.635	1.818.189.635	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	25.569.088.896	25.569.088.896
	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	25.569.088.896	25.569.088.896			

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	20.030.664.075	20.030.664.075			
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Trên 3 năm	1.864.410.133	-	Trên 3 năm	1.864.410.133	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconec PVC	Trên 3 năm	790.746.600	-	Trên 3 năm	790.746.600	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	Trên 3 năm	1.646.068.395	-	Trên 3 năm	1.646.068.395	493.820.519
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	156.096.926	46.829.078	Từ 1 năm đến 2 năm	156.096.925	156.096.925
Cộng		95.002.247.037	81.163.183.450		74.147.608.350	60.889.783.858

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(13.257.824.492)	(17.371.083.089)
(Trích lập)/Hoàn nhập dự phòng	(581.239.095)	4.113.258.597
Số cuối năm	(13.839.063.587)	(13.257.824.492)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	7.939.869.787	-
Chi phí dở dang cho các công trình:	1.818.152.548	-	272.506.177	-
- Dự án cung cấp hóa chất Borax	1.472.261.750	-	-	-
- Các dự án khác	345.890.798	-	272.506.177	-
Hàng gửi đi bán	-	-	29.526.144.135	-
Cộng	1.818.152.548	-	37.738.520.099	-

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê đất, văn phòng	37.971.136	37.633.333
Chi phí bảo hiểm	76.234.800	76.572.603
Chi phí sửa chữa, bảo trì	83.580.000	146.633.333
Cộng	197.785.936	260.839.269

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê đất, văn phòng	89.053.201	126.932.680
Chi phí sửa chữa, bảo trì	2.833.723.897	2.355.325.416
Chi phí công cụ, dụng cụ	15.209.993	33.883.505
Chi phí khác	463.068.084	275.126.349
Cộng	3.401.055.175	2.791.267.950

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	71.466.177.889	6.343.180.890	3.635.390.001	1.728.850.583	1.311.712.018	84.485.311.381
Mua trong năm	-	604.600.000	-	-	-	604.600.000
Nộp thuế thêm ghi tăng nguyên giá	348.184.932	-	-	-	-	348.184.932
Giảm do chuyển nhượng công ty con	(14.063.604.466)	(2.063.628.294)	(385.236.363)	-	-	(16.512.469.123)
Số cuối năm	57.750.758.355	4.884.152.596	3.250.153.638	1.728.850.583	1.311.712.018	68.925.627.190
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.795.591.151	3.851.418.765	3.250.153.638	1.728.850.583	394.367.824	11.020.381.961
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	18.400.934.338	6.159.664.179	3.635.390.001	1.728.850.583	210.777.368	30.135.616.469
Khấu hao trong năm	1.403.008.254	58.687.884	-	-	337.099.098	1.798.795.236
Giảm do chuyển nhượng công ty con	(7.778.951.427)	(2.063.628.294)	(385.236.363)	-	-	(10.227.816.084)
Số cuối năm	12.024.991.165	4.154.723.769	3.250.153.638	1.728.850.583	547.876.466	21.706.595.621
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	53.065.243.551	183.516.711	-	-	1.100.934.650	54.349.694.912
Số cuối năm	45.725.767.190	729.428.827	-	-	763.835.552	47.219.031.569
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.180.000.000	433.135.660	7.506.158.050	10.119.293.710
Giảm do chuyển nhượng công ty con	-	-	(7.506.158.050)	(7.506.158.050)
Số cuối năm	2.180.000.000	433.135.660	-	2.613.135.660
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	278.663.000	-	278.663.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	99.049.347	433.135.660	-	532.185.007
Khấu hao trong năm	13.966.452	-	-	13.966.452
Số cuối năm	113.015.799	433.135.660	-	546.151.459
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	2.080.950.653	-	7.506.158.050	9.587.108.703
Số cuối năm	2.066.984.201	-	-	2.066.984.201
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Lợi thế thương mại

	Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.365.982.774	2.004.093.775	4.370.076.549
Giảm do chuyển nhượng công ty con	(2.365.982.774)	-	(2.365.982.774)
Số cuối năm	-	2.004.093.775	2.004.093.775
Số đã phân bổ			
Số đầu năm	1.971.652.310	1.018.747.670	2.990.399.980
Phân bổ trong năm	-	200.409.378	200.409.378
Giảm do chuyển nhượng công ty con	(1.971.652.310)	-	(1.971.652.310)
Số cuối năm	-	1.219.157.048	1.219.157.048
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	394.330.464	985.346.105	1.379.676.569
Số cuối năm	-	784.936.727	784.936.727

12. Phải trả người bán

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan)	3.864.517.800	3.864.517.800
Technical America Inc.	-	12.465.460.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Quốc gia ADG	5.927.774.600	-
Công ty Cổ phần Giáp pháp Thiên Hoàng	4.625.000.000	-
Công ty TNHH Nuri Telecom Việt Nam	6.439.759.364	15.030.796.096
Công ty TNHH UPVIET	10.086.102.500	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Hà Phương	3.430.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường LILAMA	-	12.210.367.206
Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Nguyễn	-	32.555.464.981
Công ty TNHH Đầu tư và Giải pháp công nghệ tổng hợp Leveltech	12.918.944.736	5.922.503.254
SJ Solar + Storage Pte., Ltd.	-	26.012.428.128
Các nhà cung cấp khác	8.443.559.024	20.918.192.039
Cộng	55.735.658.024	128.979.729.504

12b. Phải trả người bán dài hạn

Khoản phải trả Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan) theo Hợp đồng số 378/PVOIL.TCKT.PETECHIM/06-12/B ngày 15 tháng 10 năm 2012 về việc nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là toàn bộ tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh. Tổng giá trị hợp đồng là 50.238.731.400 VND bao gồm tiền sử dụng đất, 2% phí bảo trì tòa nhà và thuê giá trị gia tăng. Khoản nợ này được trả chậm trong vòng 15 năm (sau 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng các bên sẽ xem xét lại thời hạn trả chậm). Nợ gốc sẽ được trả theo số tiền cố định bình quân mỗi nửa năm tính trên số năm của hợp đồng và thanh toán lãi trả chậm mỗi nửa năm. Lãi trả chậm được tính dựa trên số dư nợ gốc giảm dần theo năm thanh toán với lãi suất huy động năm thời hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày cuối cùng của kỳ tính lãi. Giá gốc để tính lãi trả chậm bằng 95% giá trị hợp đồng, 5% còn lại sẽ được gộp vào tính lãi khi Tổng công ty Dầu Việt Nam thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lịch trả nợ được thực hiện theo biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	3.864.517.800	3.864.517.800
Trên 1 năm đến 5 năm	17.390.330.100	15.458.071.200
Trên 5 năm	-	5.796.776.700
Cộng	21.254.847.900	25.119.365.700
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	3.864.517.800	3.864.517.800
Số phải trả sau 12 tháng	17.390.330.100	21.254.847.900

12c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	1.839.991.147	9.430.000.000
Các khách hàng khác	503.488.667	333.500.000
Cộng	2.343.479.814	9.763.500.000

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Giảm do chuyển nhượng</u>	<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>		<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	322.778.000	79.650.093	3.196.622.133	(3.440.007.357)	-	61.019.826	61.277.143
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	754.757.412	(754.757.412)	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	2.184.786	(2.184.786)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	373.925.375	-	1.208.732.092	(1.083.562.433)	-	499.095.034	-
Thuế thu nhập cá nhân	291.106.026	-	740.611.961	(497.688.569)	(82.368.568)	451.660.850	-
Các loại thuế khác	-	-	1.150.877.818	(1.152.048.991)	-	-	1.171.173
Cộng	987.809.401	79.650.093	7.053.786.202	(6.930.249.548)	(82.368.568)	1.011.775.710	62.448.316

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cước vận tải quốc tế	:	0%
- Bán hàng hóa và dịch vụ khác	:	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	-	138.959.598
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	-	136.052.851
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	1.208.732.092	746.620.925
Cộng	1.208.732.092	1.021.633.374

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

Tập đoàn có khoản lỗ tính thuế tại Công ty mẹ qua các năm như sau:

Năm 2018	31.233.835.946
Năm 2020	1.830.306.120
Năm 2021	351.473.849
Cộng	33.415.615.915

Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế được chuyển sang trừ vào thu nhập chịu thuế các năm sau do đánh giá tình hình kinh doanh có thể bị tác động không tốt vì ảnh hưởng của dịch bệnh.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí cung cấp hệ thống pha chế E5- E10	379.836.480	379.836.480
Chi phí dự án PVEP	174.296.000	3.656.930.000
Chi phí giá vốn dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2	2.160.195.439	732.152.964
Chi phí giá vốn dự án Nhà máy điện Cà Mau 2	-	-
Dự án Nghi Sơn	209.610.000	209.610.000
Chi phí phải trả khác	1.453.294.374	936.755.674
Cộng	4.377.232.293	5.915.285.118

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan) – lãi trả chậm	3.655.491.279	2.648.683.387
Kinh phí công đoàn	287.049.023	244.520.320
Bảo hiểm xã hội	21.296.541	1.090.302
Cổ tức phải trả	6.443.963.828	5.849.125.700
Nhận ký quỹ làm đại lý hàng hóa	650.000.000	650.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	334.889.761	361.898.858
Cộng	11.392.690.432	9.755.318.567

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	369.485.468
Trích bổ sung từ lợi nhuận	338.992.967
Chi quỹ trong năm	(244.175.000)
Giảm do chuyển nhượng công ty con	(199.735.948)
Số cuối năm	264.567.487

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	200.000.000.000	35.799.901.087	(22.572.141.889)	34.344.945.247	247.572.704.445
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	(1.533.869.599)	753.828.556	(780.041.043)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm trước	-	-	(206.545.345)	(194.670.098)	(401.215.443)
Chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm trước	-	-	(53.455.050)	(51.358.773)	(104.813.823)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(2.391.118.381)	(2.391.118.381)
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	35.799.901.087	(24.366.011.883)	32.461.626.551	243.895.515.755
Số đầu năm nay	200.000.000.000	35.799.901.087	(24.366.011.883)	32.461.626.551	243.895.515.755
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	(272.587.598)	1.776.466.626	1.503.879.028
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm nay	-	-	(175.767.853)	(163.225.114)	(338.992.967)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	(1.223.574.000)	(1.223.574.000)
Giảm do chuyển nhượng công ty con	-	(755.744.810)	914.276.564	(9.647.685.177)	(9.489.153.423)
Điều chỉnh khác	-	-	(4.464.632.975)	-	(4.464.632.975)
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	35.044.156.277	(28.364.723.745)	23.203.608.886	229.883.041.418

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Dầu Việt Nam	58.000.000.000	29,0	58.000.000.000	29,0
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Trảng An	46.200.000.000	23,1	46.200.000.000	23,1
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Liên Minh Việt Nam	-	-	22.000.000.000	11,0
Ông Dương Công Ái	33.800.000.000	16,9	33.800.000.000	16,9
Các cổ đông khác	62.000.000.000	31,0	40.000.000.000	20,0
Cộng	200.000.000.000	100,0	200.000.000.000	100,0

18c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (công ty con) đã thông qua Nghị quyết số 442/NQ-HĐQT ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng quản trị công ty này về việc chi trả cổ tức bằng 6% mệnh giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	4.329,69	12.673,57
Euro (EUR)	3.232,03	3.231,86

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán chất phụ gia xăng, dầu	-	108.244.040.452
Doanh thu bán hàng hóa	147.986.926.542	152.403.142.404
Doanh thu cung cấp dịch vụ	97.288.940.737	148.362.240.016
Cộng	<u>245.275.867.279</u>	<u>409.009.422.872</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (năm trước chỉ phát sinh giao dịch bán hàng cho Tổng công ty Dầu Việt Nam với số tiền là 679.000.000 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn chất phụ gia xăng, dầu đã bán	-	107.100.860.675
Giá vốn của hàng hóa đã bán	152.672.067.090	139.635.203.340
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	63.568.871.751	129.532.904.140
Cộng	<u>216.240.938.841</u>	<u>376.268.968.155</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.466.060.879	4.229.205.992
Cổ tức và lợi nhuận được chia	75.000.000	370.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	832.901.397	124.339.945
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty con	2.824.201.290	-
Doanh thu tài chính khác	-	3.760.378
Cộng	<u>7.198.163.566</u>	<u>4.727.306.315</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	-	477.024.508
Lãi trả chậm	1.080.547.892	1.526.510.447
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.915.845	75.605.275
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.704.978	1.376.630.001
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(272.779.622)
Cộng	<u>1.091.168.715</u>	<u>3.182.990.609</u>

15-C.1
TY
HỮU HẠN
TỰ VÃI
C
HỒ CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.909.387.584	7.861.227.455
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.401.668	2.401.668
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.687.884	67.649.251
Chi phí dịch vụ mua ngoài	813.083.934	1.483.693.900
Các chi phí khác	3.034.912.695	2.854.857.304
Cộng	<u>9.818.473.765</u>	<u>12.269.829.578</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	13.224.663.166	13.729.431.831
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.061.655.906	293.365.518
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.701.707.567	1.201.489.638
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi	581.239.095	(4.113.258.597)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.919.012.651	5.285.078.302
Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	200.409.378	437.007.655
Các chi phí khác	4.107.890.640	5.051.800.831
Cộng	<u>23.796.578.403</u>	<u>21.884.915.178</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	40.000.000
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	3.012.836.657	76.857.080
Các khoản nợ phải trả không xác định được chủ	203.525.307	-
Các khoản thu nhập khác	10.909.092	901.920.246
Cộng	<u>3.227.271.056</u>	<u>1.018.777.326</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt do vi phạm hợp đồng	1.629.057.212	-
Các khoản truy thu và phạt thuế	405.477.045	-
Thu nhập khác	6.996.800	879.579.742
Cộng	<u>2.041.531.057</u>	<u>879.579.742</u>

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	(272.587.598)	(1.533.869.599)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(272.587.598)	(1.533.869.599)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>(14)</u>	<u>(77)</u>

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	113.515.726.376	264.086.895.066
Chi phí nhân công	29.516.633.623	31.735.452.140
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.391.252.900	2.813.975.894
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.082.561.432	120.280.895.721
Chi phí khác	7.716.966.079	11.427.683.509
Cộng	<u>170.223.140.410</u>	<u>430.344.902.330</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 602.894.120 VND (năm trước là 850.780.000 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Dầu Việt Nam	Cổ đông góp 29% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Trảng An	Cổ đông góp 23,1% vốn điều lệ

Giao dịch với bên liên quan khác

Tập đoàn phát sinh giao dịch với Tổng công ty Dầu Việt Nam như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua hàng hóa	9.500.000	3.218.181.818
Bảo lãnh dự thầu	1.080.547.892	1.526.510.447
Lãi trả chậm	84.190.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với bên liên quan khác

Công nợ với bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.12a, V.12b và V.16.

Các khoản công nợ phải thu bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn và do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa và dịch vụ: kinh doanh mua bán vật tư thiết bị, hóa chất phục vụ thăm dò và khai thác dầu khí và các dịch vụ khác.
- Lĩnh vực kinh doanh chất phụ gia xăng dầu: sản xuất và kinh doanh chất phụ gia xăng, dầu. Năm nay đã không còn do Tập đoàn đã chuyển nhượng công ty con liên quan đến lĩnh vực này.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa và dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh chất phụ gia xăng, dầu	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	245.275.867.279	-	245.275.867.279
Giá vốn	(216.240.938.841)	-	(216.240.938.841)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	29.034.928.438	-	29.034.928.438
Chi phí bán hàng không phân bổ theo bộ phận			(9.818.473.765)
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ theo bộ phận			(23.796.578.403)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(4.580.123.730)
Doanh thu hoạt động tài chính			7.198.163.566
Chi phí tài chính			(1.091.168.715)
Thu nhập khác			3.227.271.056
Chi phí khác			(2.041.531.057)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.208.732.092)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			1.503.879.028
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.141.543.267	-	2.141.543.267
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.634.547.420	-	2.634.547.420
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	581.239.095	-	581.239.095
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	300.765.382.420	108.244.040.452	409.009.422.872
Giá vốn	(269.168.107.480)	(107.100.860.675)	(376.268.968.155)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	31.597.274.940	1.143.179.777	32.740.454.717

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa và dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh chất phụ gia xăng, dầu	Cộng
Chi phí bán hàng không phân bổ theo bộ phận			(12.269.829.578)
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ theo bộ phận			(21.884.915.178)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(1.414.290.039)
Doanh thu hoạt động tài chính			4.727.306.315
Chi phí tài chính			(3.182.990.609)
Thu nhập khác			1.018.777.326
Chi phí khác			(879.579.742)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.021.633.374)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(27.630.920)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			(780.041.043)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	13.393.832.439	-	13.393.832.439
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.465.350.241	1.057.784.346	2.523.134.587
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	(4.113.258.597)	-	(4.113.258.597)
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:			
	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa và dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh chất phụ gia xăng dầu	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	326.173.422.322	-	326.173.422.322
Tổng tài sản			326.173.422.322
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	96.290.380.904	-	96.290.380.904
Tổng nợ phải trả			96.290.380.904
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	370.330.574.452	53.276.704.837	423.607.279.289
Tổng tài sản			423.607.279.289
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	146.124.212.119	33.587.551.415	179.711.763.534
Tổng nợ phải trả			179.711.763.534

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Tập đoàn chỉ hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là phù hợp với quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.766.200.238	-	57.766.200.238
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	46.818.857.603	-	46.818.857.603
Phải thu khách hàng	43.486.196.126	93.356.178.642	136.842.374.768
Các khoản phải thu khác	1.219.735.781	1.646.068.395	2.865.804.176
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.000.000.000	-	24.000.000.000
Cộng	173.290.989.748	95.002.247.037	268.293.236.785
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.827.678.380	-	62.827.678.380
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	45.786.290.756	-	45.786.290.756
Phải thu khách hàng	83.339.451.121	72.501.539.955	155.840.991.076
Các khoản phải thu khác	3.027.230.594	1.646.068.395	4.673.298.989
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.000.000.000	-	24.000.000.000
Cộng	218.980.650.851	74.147.608.350	293.128.259.201

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuần có gốc USD của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.329,69	12.673,57
Phải thu khách hàng	-	22.439,00
Phải trả người bán	(5.618,06)	(541.172,50)
Tài sản thuần có gốc USD	(1.288,37)	(506.059,93)

Tài sản thuần có gốc EUR của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.232,03	3.231,98
Phải trả người bán	-	(909.144,00)
Tài sản thuần có gốc EUR	3.232,03	(905.912,02)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.854.695.677	24.036.890.586
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	37.518.857.603	7.856.306.563
Cộng	51.373.553.280	31.893.197.149

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.766.200.238	-	62.827.678.380	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	46.818.857.603	-	45.786.290.756	-
Phải thu khách hàng	136.842.374.768	(12.192.995.192)	155.840.991.076	(12.105.576.616)
Các khoản phải thu khác	2.865.804.176	(1.646.068.395)	4.673.298.989	(1.152.247.876)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.000.000.000	-	24.000.000.000	-
Cộng	268.293.236.785	(13.839.063.587)	293.128.259.201	(13.257.824.492)



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	73.125.988.124	150.234.577.404
Các khoản phải trả khác	15.357.422.593	15.355.594.842
Cộng	88.483.410.717	165.590.172.246

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh lại số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

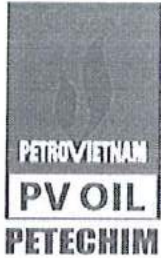
TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2022

Phạm Thị Hồng Yên
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị (HDQT) theo Điều lệ Công ty Petechim, HDQT xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả hoạt động của HDQT trong năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 với các nội dung chính như sau:

PHẦN I ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HDQT NĂM 2021

Trong năm 2021, Công ty Petechim tiếp tục nhận được sự hỗ trợ nhiều mặt từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOil), Tập đoàn Sovico, cũng như sự hợp tác của các khách hàng truyền thống Vietsovpetro, các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước.

Tuy nhiên, đây là một năm đặc biệt khó khăn với toàn thế giới và Việt Nam, sự bùng phát nghiêm trọng của đại dịch Covid-19 khiến cho mọi hoạt động kinh tế xã hội bị tê liệt suốt nhiều tháng, gây ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động SXKD của Công ty. Trong bối cảnh đó, Petechim với hạn chế về mọi nguồn lực đã phải đối mặt với cạnh tranh rất gay gắt để có việc làm. HDQT đã chỉ đạo và cùng Ban Tổng Giám đốc hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và rất nỗ lực vượt qua các thách thức, duy trì và đảm bảo được hoạt động kinh doanh với lợi nhuận dương, cụ thể như sau:

I. Công tác quản trị doanh nghiệp:

1. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh doanh 2021:

- Lấy hoạt động thương mại (cung ứng vật tư - thiết bị) và dịch vụ gắn liền với hoạt động của ngành Dầu khí, ngành Điện và các lĩnh vực hoạt động của các cổ đông PVOIL và SOVICO Group làm hoạt động kinh doanh trung tâm đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của Công ty.
- Duy trì, mở rộng các hoạt động và thị trường truyền thống trong ngành Dầu khí.
- Tập trung phát triển thị trường mới, đa dạng hóa các lĩnh vực hoạt động, tạo lập các dịch vụ mới trên nguyên tắc hiệu quả để từng bước xây dựng các hoạt động cốt lõi cho phát triển lâu dài.
- Tiếp tục duy trì mảng dịch vụ vận tải hàng không tạo tiền đề cho việc phát triển lĩnh vực Logistics.
- Quyết liệt trong quản lý dự án và thực hiện hiệu quả các hợp đồng hiện có, quyết liệt trong công tác đấu thầu để ký kết được các hợp đồng mới;
- Tăng cường tiếp thị & Marketing, quan hệ đối tác, khách hàng để xây dựng uy tín và vị thế với đối tác/khách hàng. Ký kết thỏa thuận hợp tác với các nhà sản xuất và cung cấp thiết bị vật tư... để gia tăng năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường.
- Nhìn chung, Petechim đã rất cố gắng, nỗ lực và đã vượt qua các thách thức; duy trì và đảm bảo được hoạt động kinh Doanh, đặc biệt đã bám sát được các khách hàng và thực hiện hiệu quả các dự án để đạt được kết quả lợi nhuận sau thuế dương

trong điều kiện đại dịch Covid-19 bùng phát nghiêm trọng, hoạt động SXKD của Công ty bị ảnh hưởng nặng nề trong năm 2021.

- Kết quả hợp nhất mà Công ty Petechim đã thực hiện trong năm 2021 như sau:
 - Giá trị tổng tài sản: 326 tỷ đồng;
 - Tổng doanh thu và các khoản thu nhập khác: 245 tỷ đồng, tương đương 59% kế hoạch năm 2021 và bằng 60% so với cùng kỳ năm trước;
 - Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp: 2,7 tỷ đồng;
 - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: 1,5 tỷ đồng;
 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu: -14 đ/CP;
 - Tỷ lệ chi trả cổ tức: 0%;

Nguyên nhân chính của việc chưa hoàn thành kế hoạch được giao là:

- Do ảnh hưởng nặng nề và kéo dài của đại dịch Covid-19, mọi hoạt động kinh tế xã hội bị tê liệt suốt nhiều tháng, gây ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động SXKD của Công ty, đặc biệt, hoạt động của mảng dịch vụ hàng không hầu như bị gián đoạn, các dự án đầu tư hầu như dừng triển khai, nhu cầu mua sắm thường xuyên của các khách hàng bị hạn chế tới mức thấp nhất.
 - Năng lực cạnh tranh của Petechim hạn chế về cả nguồn lực con người, cơ sở vật chất lẫn tiềm lực về tài chính. Tỷ lệ đấu thầu thành công đã được cải thiện so với năm 2020 song vẫn thấp, chủ yếu do giá không cạnh tranh, các hợp đồng ghi nhận doanh thu trong kỳ có giá trị và lợi nhuận không cao.
 - Việc phát triển kinh doanh đã được triển khai tích cực, đã mang lại 1 số kết quả ban đầu song cần thời gian để phát triển ổn định và chưa mang lại hiệu quả như mong đợi.
2. Chỉ đạo xử lý quyết liệt, dứt điểm nợ xấu và các tồn đọng kéo dài.
- Đã giải quyết được một phần công nợ từ Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí.
 - Chỉ đạo và yêu cầu Ban Điều hành quyết liệt xử lý dứt điểm các khoản nợ xấu còn lại và không để phát sinh các tồn đọng, công nợ kéo dài mới.
3. Chỉ đạo công tác quản lý tài chính:
- Quản lý chặt chẽ Dòng tiền để đảm bảo tính thanh khoản cho HD/DA của Công ty. Đảm bảo thu xếp vốn cho hoạt động SXKD.
 - Thực hiện tiết giảm tối đa mọi chi phí, đặc biệt chi phí quản lý và chi phí hoạt động để giảm giá thành, tăng khả năng thắng thầu và hiệu quả SXKD của Công ty.
 - Quản lý chặt chẽ rủi ro về tài chính.
4. Tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược:
- Mục tiêu là thiết lập và duy trì tốt các mối quan hệ hợp tác bằng các hình thức linh hoạt với các đối tác trong và ngoài nước để tận dụng năng lực của họ, nhằm tăng xác suất thắng thầu, đa dạng hóa các lĩnh vực hoạt động, mở rộng thị trường và từng bước trở thành đối tác/đại lý phân phối vật tư, thiết bị và cung cấp dịch vụ.
 - Trong điều kiện dịch Covid 19 phức tạp, năm qua Petechim đã thực hiện được 1 việc/hướng mới rất tốt là trực tiếp hỗ trợ các chủ đầu tư làm từ dự toán cho các đơn hàng mua sắm.

5. Chỉ đạo công tác tái cấu trúc bộ máy tổ chức, quản trị công ty:

- Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc bộ máy tổ chức và củng cố năng lực đội ngũ nhân sự theo hướng tinh giản, chất lượng và hiệu quả. Xây dựng môi trường làm việc tích cực, lành mạnh, trách nhiệm gắn kết giữa lợi ích của Công ty và lợi ích của người lao động. Tuy nhiên, cũng phải ghi nhận là do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 nên trong năm vừa qua đã có biến động nhân sự tại Petechim.
- Mặc dù công tác này đã được thực hiện và có những chuyển biến tích cực song cần được tiếp tục triển khai trong năm 2022.

6. Chỉ đạo công tác đầu tư:

- Petechim đã đầu tư góp vốn vào 04 doanh nghiệp: 01 công ty con PAIC và 3 công ty liên kết với tổng số tiền 45,96 tỷ đồng.

II. Công tác giám sát Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý:

Hội đồng quản trị Petechim đã thực hiện giám sát các hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý thông qua việc:

1. Tham dự và có ý kiến chỉ đạo tại các cuộc họp giao ban và các cuộc họp quan trọng khác của Ban Tổng giám đốc.
2. Theo dõi sát sao tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty thông qua các báo cáo định kỳ của Ban Tổng giám đốc.

Qua đó theo dõi và nắm bắt tốt hơn tình hình hoạt động để có thể đề ra các quyết sách kịp thời, đảm bảo duy trì và tăng cường cơ chế quản trị rủi ro cho hoạt động của Petechim.

Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng các định hướng chiến lược kinh doanh đã được ĐHĐCĐ xác định và các Nghị quyết của HĐQT/ĐHĐCĐ, đã bám sát được khách hàng/đối tác của ngành Dầu khí và của Sovico Group. Việc phát triển thị trường và các hoạt động kinh doanh mới, cũng như xúc tiến xây dựng các quan hệ hợp tác, liên doanh/liên kết... đã ghi nhận những tiến triển tích cực. Cung cách và không khí làm việc của Công ty đã được cải thiện theo hướng năng động & trách nhiệm.

HĐQT đánh giá cao Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã thực hiện nhiệm vụ theo đúng phân cấp giữa HĐQT và Ban Tổng giám đốc và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành trong năm 2021.

III. Kết quả hoạt động của HĐQT:

1. Cơ cấu HĐQT:

Số lượng Thành viên HĐQT: Hiện tại là 04 thành viên, gồm

- + Ông Trần Đức Chính - Chủ tịch
- + Ông Trần Hoài Nam - Thành viên
- + Ông Võ Khánh Hưng - Thành viên
- + Ông Đỗ Quang Thuận - Thành viên

2. Tổ chức các cuộc họp theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn:

- HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2021 vào ngày 24/4/2021.
- HĐQT đã họp và ban hành 3 Nghị quyết/Quyết định để thực hiện vai trò định hướng, chỉ đạo các hoạt động của Công ty.

3. Đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT:

- Các thành viên HĐQT hoạt động rất tích cực, tâm huyết và trách nhiệm; tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự nhất trí và đồng thuận cao của các thành viên vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của Petechim.

4. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, Ban KS và Phụ trách quản trị Công ty:

Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-TMDK ngày 24/04/2021 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, Petechim đã thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS, Phụ trách quản trị Công ty năm 2021 theo định kỳ hàng quý với tổng số tiền là 292.000.000 đồng (trong đó: HĐQT là 168.000.000 đồng; Ban Kiểm soát 82.000.000 đồng; Phụ trách quản trị Công ty và Trợ lý phụ trách quản trị Công ty 42.000.000 đồng).

PHẦN II KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

Trong năm 2022, HĐQT sẽ tiếp tục thực hiện và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Petechim thực hiện đúng các mục tiêu và định hướng chiến lược, chương trình hành động được ĐHĐCĐ thường niên quyết định. Cụ thể:

Mục tiêu chiến lược: Tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả hoạt động, tạo ra lợi nhuận và lợi ích cho chủ sở hữu, các cổ đông, cũng như người lao động.

Định hướng chiến lược kinh doanh:

Tiếp tục bám sát, gắn hoạt động của Petechim với chiến lược phát triển và tận dụng tối đa sự ủng hộ/giúp đỡ của Sovico Group và Ngành Dầu khí (bao gồm PVOIL) để củng cố các lĩnh vực hoạt động truyền thống, xây dựng & phát triển các lĩnh vực kinh doanh mới, từng bước xây dựng hoạt động lâu dài/cốt lõi vì sự phát triển bền vững của Công ty.

Các nhiệm vụ cụ thể năm 2022:

1. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022 với các chỉ tiêu chính như sau:

Tình hình kinh tế-xã hội Việt Nam kinh tế Việt Nam đang trong xu hướng phục hồi và tăng trưởng trở lại trong bối cảnh Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế-xã hội được triển khai thực hiện và Chương trình phòng, chống dịch COVID-19 để thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh đang được chính phủ triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả, tuy nhiên, cũng còn tiềm ẩn nhiều thách thức khó lường như COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, giá dầu tăng quá cao, lạm phát và tác động từ cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine có thể ảnh hưởng đến kinh tế Việt Nam trong ngắn hạn.

Bối cảnh nói trên, còn tiềm ẩn thách thức, rủi ro, song cũng tạo các tiền đề tốt để các ngành Dầu khí, năng lượng và Hàng không...đổi tượng phục vụ của các dịch vụ do Petechim cung cấp phục hồi và phát triển trở lại.

Do vậy, *mục tiêu kế hoạch năm 2022 của Petechim* cụ thể như sau:

DVT: VND

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch riêng		Kế hoạch hợp nhất
		Petechim	PAIC	
1	Doanh thu	250.000.000.000	100.000.000.000	350.000.000.000
2	Giá vốn	227.200.000.000	70.800.000.000	298.000.000.000
3	Lợi nhuận gộp	22.800.000.000	29.200.000.000	52.000.000.000
4	Tổng chi phí	19.800.000.000	24.500.000.000	44.300.000.000
5	Lợi nhuận trước thuế	3.000.000.000	4.500.000.000	7.500.000.000
6	Lợi nhuận sau thuế	3.000.000.000	3.600.000.000	6.600.000.000

2. Chỉ đạo tiếp tục thực hiện các định hướng và giải pháp kinh doanh:

Để thực hiện được các mục tiêu dài hạn và KH 2022, chúng ta sẽ phải tiếp tục hành động quyết liệt trong tất cả các lĩnh vực hoạt động sau đây:

i. Thứ nhất, lĩnh vực Thương mại:

- Đối với mảng dầu khí - Giữ vững thị trường dầu khí truyền thống từ thượng nguồn đến hạ nguồn, trong bối cảnh giá dầu tăng cao kỳ vọng các hoạt động dầu khí sẽ phục hồi và phát triển mạnh.
- Đối với mảng Điện - Năng lượng: Tiếp tục phát huy các kết quả hoạt động trong 2021, quyết liệt tìm kiếm cơ hội mới cung cấp hàng hoá và vật tư, thiết bị cho các dự án Điện - Năng lượng của EVN, PVN, đặc biệt các dự án NLTT để mở rộng kinh doanh xây dựng 1 thị trường thương mại Điện - Năng lượng mới/ổn định.
- Đồng thời, tập trung phát triển thị trường mới, mở rộng hoạt động thương mại sang các lĩnh vực mới để có nhiều HD, gia tăng doanh thu và lợi nhuận.

ii. Thứ hai, lĩnh vực dịch vụ: Kiên trì xây dựng hoạt động dịch vụ làm nền tảng để từng bước xây dựng được các hoạt động cốt lõi, khắc phục các hạn chế của hoạt động thương mại thuần túy; cạnh tranh khốc liệt trong khi biên lợi nhuận rất nhỏ.

Trong đó:

- Phần đầu khôi phục các dịch vụ truyền thống mà trước đây Petechim đã cung cấp cho ngành dầu khí; các dịch vụ phục vụ các chiến dịch khảo sát địa chấn, khoan ... ủy thác xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, đặc biệt đối với Vietsovpetro trong bối cảnh chiến tranh Nga - Ucraina.
- Tiếp tục duy trì và phát triển hoạt động dịch vụ Hàng không.
- Phát triển các dịch vụ logistic khác, trong đó, tận dụng quan hệ hợp tác với SNP (Tân Cảng) để phát triển dịch vụ logistics đường biển.
- Cung cấp dịch vụ nhỏ/lẻ cho các dự án Điện - Năng lượng của EVN, PVN phục vụ bảo dưỡng sửa chữa, đặc biệt các dự án NLTT.
- Phối hợp chặt chẽ với Bộ phận năng lượng của Tập đoàn Sovico để cung cấp dịch vụ cho dự án năng lượng tái tạo mà Tập đoàn và các đối tác cùng đầu tư.

- Phối hợp với Công ty con PAIC để tham gia mạnh mẽ và tích cực hơn trong lĩnh vực Công nghệ 4.0 - chuyển đổi số trên phạm vi cả nước, đặc biệt là các dự án liên quan đến chuyển đổi số của Sovico Group và PVOil.
- iii. Thứ ba, lĩnh vực đầu tư:
- Thực hiện rà soát danh mục đầu tư vào các công ty liên kết, thực hiện tái cấu trúc danh mục đầu tư/thoái vốn để tập trung vốn cho SXKD và đầu tư cho các dự án khả thi trong lĩnh vực dịch vụ, logistics.
 - Xem xét hướng tới hợp tác đầu tư phù hợp với năng lực trong lĩnh vực logistics & Năng lượng tái tạo với các đối tác có hợp tác toàn diện/chiến lược với Sovico Group và PVOil để tạo lập tài sản và nhằm tạo kết nối, cũng như tạo thị trường để cung cấp dịch vụ.
- iv. Thứ tư, công tác tiếp thị và phát triển thị trường: củng cố và tiếp tục mở rộng mối quan hệ với các đối tác và các khách hàng, đặc biệt với các nhà cung cấp để trở thành Local Partner trong các dự án tại Việt Nam nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng khả năng thắng thầu, cũng như mở rộng thị trường, đa dạng hóa loại hình kinh doanh. Trong đó, cần lựa chọn khách hàng tốt, nhà cung cấp có đầy đủ năng lực để giảm thiểu rủi ro.
- v. Thứ năm, lĩnh vực tài chính: Đảm bảo vốn cho hoạt động SXKD của Công ty. Tiếp tục cắt giảm tối đa chi phí quản lý và chi phí hoạt động để tăng hiệu quả hoạt động. Thanh quyết toán các hợp đồng kịp thời. Xử lý quyết liệt và dứt điểm nợ xấu còn tồn đọng, tránh phát sinh tồn đọng hoặc nợ xấu mới.
- vi. Thứ sáu, công tác tái cấu trúc -Tập trung đầu tư cho việc thu hút, bổ sung, xây dựng lại đội ngũ nhân sự, khắc phục tình trạng thiếu hụt nhân sự do khủng hoảng hậu Covid -19 đáp ứng yêu cầu của Công ty trong giai đoạn mới. Tiếp tục tái cấu trúc để có bộ máy tinh gọn, chuyên nghiệp; Thay đổi mô hình quản lý, lấy yếu tố con người làm động lực chính cho phát triển, gắn trách nhiệm cá nhân các cấp với nhiệm vụ được giao; Hoàn thiện quy chế lương/thưởng để khuyến khích được người lao động có đóng góp.

Kính thưa quý vị đại biểu và quý cổ đông!

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2022 của HĐQT Petechim.

Kính đề nghị các quý cổ đông xem xét, thảo luận và quyết nghị.

Kính chúc quý vị đại biểu, quý cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT (để biết, phối hợp);
- Lưu VT, HĐQT, VTH (03).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CỘNG TY
CƠ PHẦN
THƯƠNG MAI
DẦU KHÍ

Trần Đức Chính

PHỤ LỤC

(Đính kèm Báo cáo của HĐQT số.../BC-TMDK, ngày 01/4/2022)

STT	Biên bản họp	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung	Ghi chú
1	BBTH số 01/BB-TMDK ngày 04/02/2021	03/NQ-TMDK ngày 04/02/2021	Chấp thuận cho Petechim thực hiện phương án chuyển nhượng cổ phiếu và thoái vốn khỏi Công ty GEC.	
2	BBH số 01B/BB-TMDK ngày 05/03/2021		Phê duyệt việc xin tái cấp hạn mức tín dụng Ngân hàng VPBank.	
3	BBH số 02/BB-TMDK ngày 31/3/2021		- Báo cáo sơ kết hoạt động SXKD 2 tháng đầu năm 2021 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2021. - Thông qua các nội dung chuẩn bị cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và dự kiến Chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên 2021.	
4		143B và 143C/QĐ-TMDK ngày 01/4/2021	- Quyết định về việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021; - Quyết định về việc thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	
5	BBH số 06/BB-TMDK ngày 24/4/2021	11/NQ-TMDK ngày 24/4/2021	1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch kinh doanh năm 2021. 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2021. 4. Thông qua các đề xuất về phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020; Phương án chi trả thù lao năm 2020 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2021 của HĐQT và BKS. 5. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và Phương hướng hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021. 6. Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính năm 2021 của Petechim. 7. Thông qua việc đề cử, ứng cử và bầu thay thế Ban Kiểm soát.	
6	BBH số 06B/BB-TMDK ngày 14/10/2021		Kết quả hoạt động 09 tháng đầu năm và kế hoạch 03 tháng cuối năm 2021.	
7	BBH số 08/BB-TMDK ngày 20/12/2021		Phê duyệt việc xin tái cấp hạn mức tín dụng Ngân hàng HDBank.	





**BÁO CÁO KIỂM SOÁT NĂM 2021
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát theo Điều lệ của Công ty CP Thương mại Dầu khí, Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 kết quả hoạt động kiểm soát và kết quả kinh doanh năm 2021 như sau:

**PHẦN 1
BÁO CÁO KIỂM SOÁT NĂM 2021**

A. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ:

I. Thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát trong năm 2021:

1. Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận năm 2021 của Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) và Ban Điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2021 theo các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2021.
2. Kiểm tra và giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Điều hành.
3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo 6 tháng và Báo cáo tài chính của Công ty năm 2021 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Trong năm 2021, Ban Kiểm Soát đã tổ chức các cuộc họp của Ban Kiểm Soát, bao gồm đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2021.

II. Kết quả giám sát

1. Trong năm 2021, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ pháp luật Nhà nước; quản lý điều hành Công ty theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Ban kiểm soát không thấy có bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty.
2. Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng qui định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các Cổ đông. HĐQT đã bám sát các mục tiêu, định hướng Đại hội đồng cổ đông đã thông qua để đưa ra các giải pháp và chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ cụ thể.
3. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã có sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT và được Tổng Giám đốc tổ chức triển khai một cách nghiêm túc.

4. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã trực tiếp chỉ đạo, hoặc ban hành và triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định để các Phòng chức năng triển khai thực hiện.

III. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với Hội đồng quản trị. Ban Tổng Giám đốc và Cổ đông

BKS được cung cấp đầy đủ thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc. Các ý kiến của cổ đông được giải thích rõ ràng, trung thực.

B. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

I. Báo cáo tài chính năm 2021

1. Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính năm 2021 đã được Ban Tổng Giám đốc và Phòng Tài chính - Kế toán của Công ty lập và Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
2. Báo cáo tài chính năm 2021 được lập đầy đủ mẫu biểu theo quy định, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan, đồng thời phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021.
3. Tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí tại ngày 31/12/2021:
 - a) Vốn điều lệ 200 tỷ đồng tương ứng với 20.000.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 VNĐ. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại sàn UPCOM với mã chứng khoán PTV và chính thức giao dịch từ ngày 05/11/2019.
 - b) Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021 (Xem chi tiết tại Báo cáo về các nội dung tài chính).
 - c) Tình hình tài chính riêng của Công ty Petechim năm 2021 (Xem chi tiết tại Báo cáo về các nội dung tài chính).
 - d) Kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty Petechim năm 2021 (Xem chi tiết tại Báo cáo về các nội dung tài chính).

Nhận xét: Năm 2021, Công ty Petechim tiếp tục ghi nhận mức lợi nhuận dương mặc dù chưa cao. Cụ thể:

- Doanh thu năm 2021 đạt được 127 tỷ đồng tương ứng 40% kế hoạch.
 - Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt được 242 triệu đồng tương ứng 7% so với kế hoạch.
 - Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt được 242 triệu đồng tương ứng 7% so với kế hoạch.
- e) Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2021 (Xem chi tiết tại Báo cáo về các nội dung tài chính).

Nhận xét:

- Tổng doanh thu hợp nhất năm 2021 đạt được 245 tỷ đồng tương ứng 58,61% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt được 2,7 tỷ đồng tương ứng 34,33% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế 2021 đạt được 1,5 tỷ đồng tương ứng 19,03% so với kế hoạch.

4. Tình hình sử dụng TSCĐ:

- 1.234m² văn phòng tại quận 7, TP.HCM hiện đang sử dụng một phần diện tích làm văn phòng chính. Cho Công ty LOTTE thuê 421.88m² và Công ty Quảng Phát thuê 178.334m².
- CHXD tại Cà Mau: đã có chủ trương bán tài sản này để thu hồi vốn nhưng chưa tìm được người mua.

5. Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Petechim đã đầu tư góp vốn vào 04 doanh nghiệp: công ty con PAIC và 3 công ty liên kết với tổng số tiền 45,96 tỷ đồng.

Trong năm 2021, công ty không thực hiện đầu tư thêm khoản đầu tư nào.

6. Phát triển kinh doanh dịch vụ: Petechim tiếp tục cung ứng dịch vụ vận chuyển và logistics một cách đa dạng hơn, bao gồm cả trong, ngoài ngành dầu khí.

II. Kiểm soát công nợ phải thu, phải trả:

- Dư nợ phải thu khó đòi đầu kỳ (01/01/2021) là 41,6 tỷ đồng - dư nợ cuối kỳ (31/12/2021) là 41,6 tỷ đồng. Khoản nợ khó đòi liên quan đến hợp đồng ống thép tro xỉ cho Nhà máy nhiệt điện Thái Bình hiện vẫn là khoản dư nợ lớn nhất. Hiện tại đã thu hồi được 01 phần. Khoản công nợ này cũng được ghi nhận trong nội dung loại trừ của Báo cáo kiểm toán năm 2021. Công ty cần có biện pháp mạnh mẽ để thu hồi.

C. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

I. Nhân sự Ban kiểm soát:

- Tại ĐHCĐ thường niên năm 2021, Đại hội đồng cổ đông đã đưa ra Nghị quyết số 11/NQ-TMDK ngày 24/04/2021 về việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Việt Đức làm thành viên Ban Kiểm soát. Tháng 12/2021, ông Nguyễn Việt Đức đã nghỉ việc tại Công ty.
- Công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Công ty, để giúp phát hiện và khắc phục kịp thời những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động và hệ thống kiểm soát nội bộ. Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát lập kế hoạch kiểm tra, giám sát, phân công trách nhiệm cho từng thành viên, thực hiện kiểm tra, giám sát theo kế hoạch đề ra và tổng kết lập Báo cáo, công việc cụ thể như sau:
 - Trưởng Ban Kiểm soát – Bà Đoàn Thu Hương
 - + Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản Trị, đề xuất những ý kiến đóng góp cho HĐQT và ban lãnh đạo Công ty
 - + Phân công nhiệm vụ, giám sát hoạt động của Kiểm soát viên.
 - Kiểm soát viên (bao gồm Ông Huỳnh Minh Triết và Ông Nguyễn Việt Đức)
 - + Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2021, đồng thời giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, cũng như tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.
 - + Thẩm định các báo cáo tài chính và lập báo cáo Ban kiểm soát hàng quý, cả năm.

II. Thù lao Ban Kiểm soát:

Tiền thù lao đã chi trả cho BKS năm 2021 là **82.000.000 VNĐ**. Trong đó:

- Thù lao của Trưởng ban Kiểm soát: 3.000.000 VNĐ/người/tháng
- Thù lao của Kiểm soát viên: 2.000.000 VNĐ/người/tháng.

PHẦN 2
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. Kế hoạch hoạt động:

1. Tham gia tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Kiểm tra, giám sát HĐQT, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý trong quá trình điều hành quản lý hoạt động kinh doanh cũng như công tác đầu tư, xây dựng của Công ty.
3. Giám sát công tác kế hoạch, thực hiện kế hoạch, kiểm tra báo cáo tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
4. Kiểm tra định kỳ hàng tháng, hàng quý và đột xuất liên quan đến công tác tổ chức; thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.
5. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban lãnh đạo công ty.
6. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.
7. Thu nhận các thông tin, trao đổi, giao tiếp với cổ đông và xử lý các vấn đề theo đề nghị của cổ đông.

II. Kiến nghị của Ban Kiểm soát:

1. Giải quyết dứt điểm các tồn đọng công nợ, hạn chế tối đa phát sinh công nợ xấu để lành mạnh các chỉ số tài chính.
2. Chú trọng công tác quản trị giao dịch trong quản lý cổ phiếu trên sàn Upcom.
3. Bổ sung thêm thành viên Ban Kiểm soát để kiện toàn bộ máy hoạt động của BKS.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Đoàn Thu Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 129 /TTr-TMDK

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn công ty kiểm toán
cho dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Liên quan đến việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim (BKS Petechim) xin báo cáo như sau:

Căn cứ vào các tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập:

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết năm 2022;
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với công ty đã niêm yết;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng yêu cầu về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

Ban Kiểm soát Petechim đề nghị lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C là công ty kiểm toán cho Petechim năm 2022 do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đáp ứng các tiêu chí trên. Bên cạnh đó, trên cơ sở thực tế dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020, 2021 do A&C đã thực hiện có chất lượng tốt, hoàn thành đúng tiến độ và giá cả phù hợp với thị trường.

Ban Kiểm soát Petechim kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Petechim xem xét và phê duyệt đề xuất nêu trên để Ban Kiểm soát Petechim có cơ sở triển khai việc kiểm toán theo đúng tiến độ yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Xin chân thành cảm ơn,

Nơi nhận

- Như trên
- TGD (để ph)
- Lưu: VT, BKS - lb



Đoàn Thu Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Số: 130 /TT-Tr-TMDK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Điều lệ Công ty (sửa đổi, bổ sung lần thứ 10),
Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT
và Quy chế hoạt động của BKS

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Vừa qua, Quốc hội và các cơ quan Nhà nước đã ban hành các văn bản liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp như sau:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP, trong đó có Điều lệ mẫu công ty đại chúng; mẫu quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty CP Thương mại Dầu khí sửa đổi, bổ sung lần thứ 9, tháng 4/2019;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty CP Thương mại Dầu khí ban hành ngày 18/4/2019;

Để Điều lệ và các Quy chế của Công ty CP Thương mại Dầu khí phù hợp với các văn bản nêu trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung lần thứ 10, đồng thời ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty năm 2022 thay cho Quy chế nội bộ về quản trị Công ty năm 2019; ban hành mới Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế hoạt động của BKS (chi tiết như các bản dự thảo đính kèm).

Kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT (NTKN-03b)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Đức Chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
(PETECHIM JSC)**



**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**
(Sửa đổi, bổ sung lần thứ 10)

DỰ THẢO

TP. Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2022

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty:	9
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	10
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 11. Quyền của cổ đông	10
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	12
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 16. Thay đổi các quyền	16
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	20
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	24

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	24
Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị	26
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	27
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	29
Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty	30
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	30
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý	30
Điều 33. Người điều hành Công ty	30
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	31
IX. BAN KIỂM SOÁT	31
Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	31
Điều 36. Thành phần Ban kiểm soát	32
Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát	32
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	33
Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát	33
Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	33
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	34
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	34
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	35
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	35
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	35
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	36
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn	36
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	36
Điều 45. Phân phối lợi nhuận	36
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	37
Điều 46. Tài khoản ngân hàng	37
Điều 47. Năm tài chính	37
Điều 48. Chế độ kế toán	37
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	37
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	37
Điều 50. Báo cáo thường niên	38
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	38
Điều 51. Kiểm toán	38
XVII. DẤU CỦA CÔNG TY	38

Điều 52. Dấu của Công ty	38
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	38
Điều 53. Giải thể Công ty.....	38
Điều 54. Thanh lý.....	39
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	39
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	39
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	40
Điều 56. Điều lệ Công ty.....	40
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	40
Điều 57. Ngày hiệu lực.....	40

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là Công ty) được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty tổ chức vào ngày 18 tháng 12 năm 2007; Điều lệ Tổ chức và Hoạt động sửa đổi, bổ sung này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp thường niên tổ chức vào ngày tháng năm 2022.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g. "Người điều hành Công ty" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;
 - h. "Người quản lý Công ty" bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc;
 - i. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - j. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - k. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty;
 - l. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - m. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - n. "Công ty" là Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí;
 - o. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
 - p. "Người phụ trách quản trị Công ty" là người được Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo quy định tại Điều lệ này để hỗ trợ công tác quản trị Công ty, giúp hoạt động quản trị của Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - q. "Đại hội trực tuyến" là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức thông qua áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại để truyền tải âm thanh và/hoặc

hình ảnh Đại hội, cho phép các cổ đông ở các địa điểm khác nhau có thể tham dự, theo dõi, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp’

- r. “Đại hội truyền thống” là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo đó các cổ đông tham dự trực tiếp, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp tại một địa điểm nhất định mà không phải hình thức trực tuyến quy định tại điểm q Khoản này;
 - s. “Hệ thống trực tuyến” là ứng dụng/hệ thống phần mềm/website mà Công ty sử dụng để phục vụ việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và/hoặc bỏ phiếu điện tử;
 - t. “Cổ đông dự họp” là cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bằng các hình thức dự họp trực tiếp, trực tuyến, bỏ phiếu từ xa hoặc một hình thức khác theo quy định pháp luật.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
 3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Petroleum Trading Joint Stock Company
 - Tên Công ty viết tắt: Petechim JSC
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 11 – Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: 084.28.54112323
 - Fax: 084.28.54112332
 - E-mail: contacts@petechim.com.vn
 - Website: www.petechim.com.vn
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi bị giải thể quy định tại khoản 2 Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật: Người đại diện theo pháp luật thực thi trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định khác của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn khác chưa được phân vào đâu -chi tiết: Mua bán thiết bị, vật tư, phụ tùng, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông lâm ngư nghiệp. Mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế, trang thiết bị trường học, tinh dầu, hương liệu và nguyên liệu sản xuất hóa mỹ phẩm	4669
2	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình -chi tiết: Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình. Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm từ gỗ, rơm, rạ, tre, nứa, gốm sứ	4649
3	Bán buôn thực phẩm -chi tiết: Mua bán lương thực, thực phẩm	4632
4	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống -chi tiết: Mua bán nông lâm sản, gia súc, gia cầm (trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ)	4620
5	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào -chi tiết: Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước, thuốc lào	4634
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải -chi tiết: Môi giới hàng hải. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Dịch vụ khai thuê hải quan. Đại lý vận tải biển. Dịch vụ đại lý tàu biển và cung ứng tàu biển. Đại lý vận tải hàng hóa bằng đường hàng không. Đại lý bán vé máy bay. Thu phát các chứng từ vận tải và vận đơn. Môi giới tàu biển, máy bay, phương tiện vận tải bộ. Giao nhận hàng hóa. Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan.	5229
7	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác -chi tiết: Cho thuê tàu, phương tiện nổi, giàn khoan. Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730
8	Đóng tàu và cấu kiện nổi -chi tiết: Dịch vụ đóng mới tàu thuyền, giàn khoan và phương tiện nổi (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3011

STT	Tên ngành	Mã ngành
9	Sửa chữa máy móc, thiết bị -chi tiết: Sửa chữa máy móc tàu thuyền, giàn khoan và phương tiện nổi (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3312
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ -chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô	4933
11	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương -chi tiết: Kinh doanh vận tải biển	5012
12	Đại lý, môi giới, đấu giá -chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Đại lý kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ gas và không hoạt động tại trụ sở)	4610
13	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan -chi tiết: Tư vấn xây dựng (trừ khảo sát xây dựng, thiết kế công trình, giám sát thi công). Tư vấn đầu thầu. Quản lý dự án.	7110
14	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu -chi tiết: tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	6619
15	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác -chi tiết: Mua bán phương tiện vận tải, hàng điện tử. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng	4659
16	Bán buôn đồ uống -chi tiết: Mua bán bia, rượu, nước giải khát	4633
17	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng -chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng	4663
18	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép -chi tiết: Mua bán hàng may mặc, giày dép, hàng dệt may	4641
19	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. -chi tiết: Sản xuất phương tiện vận tải, hàng điện tử (không hoạt động tại trụ sở)	3290
20	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) -chi tiết: sản xuất hàng may mặc, giày dép, hàng dệt may (không hoạt động tại trụ sở)	1410
21	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom rạ và vật liệu tết bện -chi tiết: sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm từ gỗ, rom, rạ, tre, nứa, gôm sứ (không hoạt động tại trụ sở)	1629
22	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét -chi tiết: sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)	2392
23	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng -chi tiết: Sản xuất nước giải khát (không hoạt động tại trụ sở)	1104
24	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh -chi tiết: sản xuất rượu (không hoạt động tại trụ sở)	1101
25	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103

STT	Tên ngành	Mã ngành
	-chi tiết: Sản xuất bia (không hoạt động tại trụ sở)	
26	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu -chi tiết: Khai thác khoáng sản (không hoạt động tại trụ sở)	0899
27	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu -chi tiết: dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ	8299
28	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác -chi tiết: Xây dựng cầu cảng biển, công trình công nghiệp, công trình dân dụng, công trình dầu khí, công trình thủy điện.	4290
29	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày -chi tiết: khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở)	5510
30	Nhà hàng và các dịch vụ phục vụ ăn uống lưu động -chi tiết: nhà hàng ăn uống (không hoạt động tại trụ sở)	5610
31	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
32	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
33	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
34	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
35	Lập trình máy vi tính	6201
36	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
37	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính	6209
38	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
39	Quảng cáo	7310
40	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
41	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	9511
42	Sửa chữa thiết bị liên lạc (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	9512
43	Bán buôn kim loại và quặng kim loại -chi tiết: Mua bán khoáng sản (không hoạt động tại trụ sở)	4662
44	Cung ứng lao động tạm thời	7820
45	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê -chi tiết: Kinh doanh bất động sản.	6810
46	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan -chi tiết: Bán buôn nhiên liệu, dầu mỡ nhờn, dầu bôi trơn như: than đá, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha; dầu mỡ, dầu thô, diesel nhiên liệu, xăng, dầu nhiên liệu, dầu đốt nóng, dầu hỏa; khí dầu mỏ, khí butan và propan đã hóa lỏng; dầu mỡ nhờn, xăng dầu đã tinh chế (không hoạt động tại trụ sở).	4661

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:
 - a. Là Công ty thương mại - dịch vụ hoạt động gắn liền với chiến lược/định hướng phát triển của ngành Dầu khí (từ khâu đầu đến khâu cuối và lĩnh vực Điện) và Tập đoàn Sovico.
 - b. Phát triển bền vững, tạo ra giá trị/tài sản gia tăng và lợi nhuận cho các cổ đông.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty:

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này, là các ngành nghề đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng Việt Nam).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 20.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và các tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

- e. Đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại khoản 2 Điều 24 và khoản 1 Điều 35 Điều lệ này làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
- f. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định pháp luật.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Trường hợp tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo hình thức quy định tại điểm c khoản 6 Điều này, cổ đông có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến tài khoản trực tuyến và công nhận kết quả bỏ phiếu đã thực hiện trên hệ thống trực tuyến từ tài khoản của mình, đồng thời tuân thủ các nghĩa vụ khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định khác có liên quan của Công ty.
9. Khi có sự thay đổi thông tin cá nhân, địa chỉ liên hệ, cổ đông phải thông báo chính xác, kịp thời thay đổi này với cơ quan lưu ký chứng khoán hoặc với Công ty (nếu cổ phiếu chưa lưu ký).
10. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường có thể tổ chức theo hình thức Đại hội truyền thống hoặc Đại hội trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức. Hình thức tổ chức mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quyết định và thông báo cho cổ đông tại quyết định triệu tập Đại hội.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính quý, 06 tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa so với đầu kỳ;
 - c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc ngày có báo cáo tài chính đã được kiểm toán phản ánh trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc ngày nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
- Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
- d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt/sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, khi xét thấy cần thiết;
 - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Người đại diện theo ủy quyền và việc ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Tổ chức là cổ đông Công ty có thể ủy quyền cho một hoặc nhiều người đại diện theo ủy quyền để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Việc ủy quyền cho người đại diện theo ủy quyền tuân thủ theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
3. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì phải được người ủy quyền ban đầu đồng ý và người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

5. Việc ủy quyền trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông có tổ chức theo hình thức trực tuyến và/hoặc có bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác sẽ thực hiện theo hướng dẫn tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại

các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch và Hệ thống trực tuyến trong trường hợp có tổ chức bỏ phiếu điện tử. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;

- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp Thẻ biểu quyết cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến hoặc các hình thức khác theo quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có

quyền tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa cuộc họp có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp. Người triệu tập cuộc họp có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp họp theo hình thức truyền thống;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp trong trường hợp họp theo hình thức truyền thống;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh, an toàn họp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh, an toàn ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
 9. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, cách thức đăng ký tham dự cuộc họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 và khoản 3, khoản 4 Điều này:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty ;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 và khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều này.
3. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp

và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Việc lấy ý kiến bằng văn bản có thể thực hiện cho tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Trường hợp Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có thực hiện theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, nội dung và hình thức phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: thực hiện trong trường hợp Hội đồng quản trị có tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
 - d. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp

gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

- i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 20 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - g. Các thông tin khác (nếu có).

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 ứng viên và từ 80% trở lên được đề cử tối đa 08 ứng viên;
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 03 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại các công ty khác;
- h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại các công ty khác; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc giới thiệu để bổ nhiệm, đề nghị miễn nhiệm, cách chức đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc các công ty con trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty (trừ các quy chế thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông), quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- q. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- r. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- s. Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty;
- t. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, khoản trả thêm thù lao quy định tại khoản 5 Điều này, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
4. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
5. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận... theo quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn 1/2 số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 13 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác được Hội đồng quản trị chấp thuận.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Biểu quyết
 - a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 41 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị

này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc họp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
15. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện thông tin liên lạc khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện.

16. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ này.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

17. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (nếu cần), có các nội dung chính quy định tại Điều 158 của Luật Doanh nghiệp. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp của Hội đồng quản trị phải có chữ ký của chủ tọa và thư ký cuộc họp; chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu

ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành

phải có trách nhiệm đề hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu

thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát

1. Các thành viên Ban kiểm soát bầu 01 người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Tổ chức lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Chịu trách nhiệm đôn đốc các thành viên Ban kiểm soát triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát;
 - e. Ủy quyền cho thành viên Ban kiểm soát đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban trong thời gian vắng mặt;
 - f. Thay mặt Ban kiểm soát đề nghị họp Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 157 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - g. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

- h. Ký các văn bản khác ngoài quy định tại các điểm c, f và g khoản này để thực hiện các công việc của Ban kiểm soát;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền

lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo

Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

- b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;
- c. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo

ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc trích lập các Quỹ từ lợi nhuận của Công ty, trong đó bao gồm Quỹ đầu tư phát triển và các Quỹ khác theo quy định pháp luật.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 dương lịch hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 52. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Thanh lý

1. Khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác.Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ Công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2022 tại Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty
TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Thị Bích Hà

PHỤ LỤC SỐ 01
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CỦA CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ (PETECHIM JSC)
(Đính kèm Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Petechim (Bổ sung, sửa đổi lần 10, ngày 23 tháng 04 năm 2022))

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên	Tầng 14-17, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	4104005189	Cổ phần phổ thông	1,450,000	14,500,000,000	29.00
2	Nguyễn Lê Minh	86/6 Bàu Cát 2, Phường 12, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	023798937	Cổ phần phổ thông	763,000	7,630,000,000	15.26
3	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Thương mại Nhật Việt	Số 15/28/260 Cầu Giấy, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội, Việt Nam	0102005797	Cổ phần phổ thông	337,000	3,370,000,000	6.74
4	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	Số 64-68, Phố Lý Thường Kiệt, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội, Việt Nam	0300608092	Cổ phần phổ thông	250,000	2,500,000,000	5.00

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2022

Người đại diện theo pháp luật ký Điều lệ

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐỖ THỊ BÍCH HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ (PETECHIM JSC)



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY (Sửa đổi, bổ sung lần thứ 02)

DỰ THẢO

TP. Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2022

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**
*(Ban hành theo Nghị quyết số /NQ-TMDK ngày /4/2022
của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí)*

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sửa đổi, bổ sung lần thứ 10);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí, bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ; Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT; Ban kiểm soát (BKS), Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ: Thực hiện theo quy định tại Điều 138 Luật Doanh nghiệp và Điều 13, Điều 14 Điều lệ Công ty.
2. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:
 - a) Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 13 và khoản 1 Điều 17 Điều lệ Công ty.
 - b) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp: Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ: Căn cứ quyết định triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ, Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty thông báo về việc chốt danh sách cổ đông và gửi cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD). Ngay sau khi VSD có thông báo chấp thuận nội dung thông báo chốt danh sách cổ đông, thông báo chốt danh sách cổ đông sẽ được đăng tải trên website của Công ty.
 - d) Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty và quy định: Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số

doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

e) Chương trình, nội dung ĐHĐCĐ:

- Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp (quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty) được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và Hệ thống trực tuyến trong trường hợp có tổ chức bỏ phiếu điện tử. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.
- Kiểm toán viên hoặc đại diện Công ty kiểm toán có thể được mời dự họp ĐHĐCĐ để phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề kiểm toán.
- Bổ sung chương trình họp của ĐHĐCĐ: Thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 17 Điều lệ Công ty và quy định sau:
 - + Trường hợp từ chối kiến nghị thì HĐQT phải trả lời cho cổ đông bằng văn bản chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ và nêu rõ lý do.
 - + Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu BKS làm việc với HĐQT trong trường hợp không đồng ý với quyết định của HĐQT về việc này.
 - + Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được chấp thuận kiến nghị bổ sung chương trình họp phải cung cấp cho Chủ tịch HĐQT các tài liệu cần thiết để Ban tổ chức Đại hội chuẩn bị, in ấn và phát cho các cổ đông dự họp tham khảo và thảo luận, đồng thời chuẩn bị dự thảo nghị quyết về nội dung này.
 - + Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị của cổ đông/nhóm cổ đông vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp từ chối kiến nghị; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

f) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ: Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty và quy định sau:

- Đối với ủy quyền dự họp trực tiếp:
 - + Cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - + Cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - + Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- Đối với ủy quyền dự họp trực tuyến trên Hệ thống trực tuyến: Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác dự họp trực tuyến. Quy định cụ thể về ủy quyền sẽ do HĐQT quyết định và thông báo cho cổ đông cùng với tài liệu Đại hội.

g) Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ:

- Trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ: Để chuẩn bị tốt cho công tác tổ chức Đại hội, cổ đông có thể đăng ký về việc tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trước thời hạn ghi

trong Thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Việc đăng ký này có thể gồm một trong các cách thức: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho Công ty, đăng ký trực tuyến. Cách thức đăng ký cụ thể được hướng dẫn tại Thông báo mời họp.

- Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ:

+ Đối với cuộc họp trực tiếp và cổ đông đến dự họp trực tiếp: Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông đăng ký dự họp phải xuất trình Thư mời, Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu/Chứng minh sĩ quan quân đội bản gốc và giấy ủy quyền hợp lệ. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp Thẻ biểu quyết cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia biểu quyết tại cuộc họp ngay sau khi đăng ký; Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

+ Đối với cuộc họp trực tuyến và cổ đông chỉ tham dự thông qua Hệ thống trực tuyến: Mỗi cổ đông sẽ được cung cấp một tài khoản truy cập và mật khẩu để đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến. Tài khoản truy cập của cổ đông sẽ được mã hóa để đảm bảo xác thực tư cách cổ đông tham dự. Công ty thông báo cho cổ đông tài khoản truy cập và mật khẩu tại Thông báo mời họp. Các cổ đông đăng ký dự họp theo hình thức trực tuyến sẽ được xác thực tư cách tham dự ĐHĐCĐ và được xem là có mặt tại cuộc họp nếu đã tuân thủ đúng, đầy đủ các trình tự, cách thức mà Hệ thống trực tuyến yêu cầu để xác thực tư cách cổ đông và đăng ký tham dự. Cổ đông muốn tham dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Quy chế này và có nghĩa vụ: Bảo mật các thông tin liên quan đến tài khoản truy cập như: tên, các yếu tố định danh khác (nếu có) của tài khoản truy cập và mật khẩu đăng nhập để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc dự họp trên Hệ thống trực tuyến, trừ trường hợp cung cấp cho người đại diện theo ủy quyền dự họp của cổ đông. Cổ đông có trách nhiệm bảo đảm người đại diện theo ủy quyền sẽ tuân thủ quy định tương tự như cổ đông; Chịu trách nhiệm về mọi rủi ro, tranh chấp liên quan đến việc dự họp thực hiện bằng tài khoản truy cập của cổ đông trên Hệ thống trực tuyến. Việc thực hiện dự họp và biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến bằng tên truy cập với đúng mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác sẽ được mặc nhiên coi là ý chí của cổ đông; Phải thường xuyên cập nhật thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử chính xác, đầy đủ, trung thực tại nơi lưu ký chứng khoán để đảm bảo nhận được thông báo tài khoản truy cập và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

h) Điều kiện tiến hành: Thực hiện theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.

i) Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ: ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp và/hoặc cuộc họp trực tuyến và/hoặc lấy ý kiến bằng văn bản và/hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

j) Cách thức bỏ phiếu:

- Các nội dung biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

+ Biểu quyết thông qua các nội dung về thủ tục tổ chức cuộc họp gồm: chương trình nghị sự; danh sách Ban kiểm phiếu; Quy chế bầu cử/kiểm phiếu; danh sách bầu cử; Biên bản và Nghị quyết cuộc họp;

+ Biểu quyết thông qua các vấn đề trình ĐHĐCĐ quyết định, trừ việc bầu thành viên HĐQT và BKS;

- Việc bầu thành viên HĐQT và BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của Quy chế bầu cử.

- Cách thức biểu quyết: Đối với mỗi hình thức tổ chức cuộc họp trực tiếp; trực tuyến hoặc kết hợp, cổ đông có thể biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo một trong các hình thức sau đối với mỗi nội dung biểu quyết:

+ Bỏ phiếu trực tiếp: bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc họp hoặc ủy quyền cho một người khác hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử). Việc biểu quyết thông qua các nội dung về thủ tục tổ chức cuộc họp được tiến hành theo phương thức cổ đông giơ thẻ biểu quyết và lấy kết quả theo đa số. Việc biểu quyết thông qua các vấn đề trình ĐHĐCĐ quyết định được thực hiện bằng phiếu biểu quyết phát hành tại ĐHĐCĐ theo số cổ phần sở hữu của cổ đông, với các phương án “Tán thành”, “Không tán thành” và “Không có ý kiến”. Việc bầu thành viên HĐQT và BKS được thực hiện bằng phiếu bầu phát hành tại ĐHĐCĐ theo số cổ phần sở hữu của cổ đông.

+ Bỏ phiếu điện tử: chỉ thực hiện trong trường hợp người triệu tập ĐHĐCĐ quyết định áp dụng và thông báo đến cổ đông hình thức bỏ phiếu này. Để thực hiện bỏ phiếu điện tử, cổ đông phải đáp ứng các điều kiện để truy nhập và biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến: có thiết bị kết nối internet và thực hiện thủ tục xác thực cổ đông (máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác,...). Hướng dẫn cụ thể việc thực hiện bỏ phiếu điện tử được quy định tại Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ hoặc Hướng dẫn sử dụng Hệ thống trực tuyến. Việc biểu quyết thông qua các nội dung về thủ tục tổ chức cuộc họp và các vấn đề trình ĐHĐCĐ quyết định, cổ đông thực hiện theo hướng dẫn tại phần Biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến cho từng vấn đề biểu quyết. Việc bầu thành viên HĐQT/BKS thực hiện theo hướng dẫn tại phần Bầu cử trên Hệ thống trực tuyến cho nội dung cần bầu cử.

Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử hoặc có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung cho những nội dung phát sinh. Kết quả bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác chỉ ghi nhận kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng của cổ đông tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu do Ban kiểm phiếu thông báo tại ĐHĐCĐ. Kể từ thời điểm kết thúc bỏ phiếu đối với từng nội dung xin ý kiến ĐHĐCĐ, Hệ thống trực tuyến sẽ được khóa lại và cổ đông không thể thực hiện biểu quyết, bầu cử đối với nội dung đã bị khóa.

Thời gian cổ đông có thể bắt đầu truy cập Hệ thống trực tuyến để thực hiện bỏ phiếu điện tử sẽ do HĐQT quyết định và thông báo cho cổ đông cùng với tài liệu Đại hội.

Việc bỏ phiếu điện tử có thể thực hiện trước khi ĐHĐCĐ diễn ra và/hoặc theo diễn tiến tại ĐHĐCĐ theo quyết định của HĐQT.

- Trường hợp Công ty tổ chức biểu quyết theo nhiều hình thức (bỏ phiếu trực tiếp và bỏ phiếu điện tử), cổ đông chỉ được lựa chọn 1 hình thức biểu quyết. Trường hợp cổ đông thực hiện bỏ phiếu theo cả hai hình thức đối với cùng một nội dung biểu quyết, hình thức bỏ phiếu điện tử sẽ được ưu tiên lựa chọn và phiếu biểu quyết trực tiếp sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết.
 - Hình thức biểu quyết/bỏ phiếu cụ thể được thực hiện theo Quy chế làm việc, Quy chế bầu cử tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- k) Cách thức kiểm phiếu:
- Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu tại nơi tổ chức ĐHĐCĐ. Ban kiểm phiếu có quyền sử dụng thêm nhân sự giúp việc để kiểm phiếu. Trong trường hợp có yêu cầu của cổ đông, Chủ tọa cuộc họp có thể mời một số cổ đông đại diện tham gia giám sát quá trình kiểm phiếu.
 - Việc tổng hợp kết quả kiểm phiếu được thực hiện như sau:
 - + Tại thời điểm kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ tổng hợp kết quả bỏ phiếu trực tiếp và/hoặc kết quả bỏ phiếu điện tử để lập Biên bản kiểm phiếu và/hoặc Biên bản bầu cử.
 - + Kết quả kiểm phiếu sẽ được tính bằng tổng kết quả biểu quyết bỏ phiếu trực tiếp và/hoặc kết quả biểu quyết bỏ phiếu điện tử.
- l) Điều kiện đề nghị quyết được thông qua: Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.
- m) Thông báo kết quả kiểm phiếu:
- Sau khi Ban kiểm phiếu hoàn tất công việc kiểm phiếu, lập biên bản và báo cáo, Chủ tọa cuộc họp sẽ mời Ban kiểm phiếu lên công bố kết quả trước ĐHĐCĐ.
 - Chủ tọa cuộc họp, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- n) Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ:
- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày biên bản họp ĐHĐCĐ được công bố, cổ đông có quyền gửi ý kiến bằng văn bản cho Chủ tọa cuộc họp để phản đối những nội dung biên bản mà cổ đông cho rằng không phản ánh trung thực những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Ý kiến phản đối phải nêu rõ lý do phản đối và bằng chứng để chứng minh.
 - Chủ tọa ĐHĐCĐ sẽ triệu tập cuộc họp xem xét những ý kiến phản đối với thành phần bao gồm: Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ, Thư ký cuộc họp, đại diện Ban kiểm phiếu, người giám sát kiểm phiếu (nếu có), đại diện Ban kiểm tra tư cách cổ đông và một cổ đông khác không nắm chức vụ quản lý trong Công ty.
 - Biên bản họp xem xét ý kiến phản đối phải được ghi chép tóm tắt nội dung phản đối, lý do cùng những bằng chứng chứng minh. Phần kết luận của biên bản phải nêu rõ những ý kiến phản đối có hợp lý, có căn cứ hay không và có kết luận cuối cùng về tính xác thực các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ được ghi trong Biên bản họp ĐHĐCĐ.
 - Căn cứ kết luận của cuộc họp giải quyết, Chủ tọa cuộc họp gửi văn bản phản hồi/ thông báo đến cổ đông có ý kiến phản đối.
 - Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.

- o) Lập biên bản họp ĐHĐCĐ: Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty và quy định sau:
- Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến cuộc họp, lập biên bản và đề nghị ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp.
 - Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- p) Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ: Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ, tài liệu kèm theo trong Biên bản, Nghị quyết hoặc Biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
3. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:
- a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty
- b) Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty và quy định sau:
- Mục đích của việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản là để giải quyết nhanh và kịp thời những vấn đề cần có sự thông qua của ĐHĐCĐ.
 - Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
 - + HĐQT ban hành nghị quyết về nội dung cần lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Thực hiện chốt danh sách cổ đông tại thời điểm mà HĐQT gửi phiếu lấy ý kiến.
 - + HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác, cổ đông thực hiện biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến. Phiếu biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến không bao gồm điểm g khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.
 - + HĐQT gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty.
 - + Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty theo khoản 5 Điều 21 Điều lệ Công ty. Trường hợp việc lấy ý kiến bằng văn bản có hình thức bỏ phiếu điện tử thì cổ đông được cấp tài khoản và mật khẩu để truy cập và thực hiện biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến. Cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện và có nghĩa vụ theo quy định tại Quy chế này. Trường hợp Công ty tổ chức biểu quyết theo nhiều hình thức (bỏ phiếu trực tiếp và bỏ phiếu điện tử), cổ đông chỉ được lựa chọn 1 hình thức biểu quyết. Nếu cổ đông bỏ phiếu theo cả hai hình thức thì phiếu điện tử sẽ được ưu tiên lựa chọn và phiếu ý kiến giấy sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết.
 - + HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu theo quy định tại khoản 6 Điều 21 Điều lệ Công ty.
 - + Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông theo quy định tại khoản 7 Điều 21 Điều lệ Công ty.
 - + Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thông qua khi được cổ đông biểu quyết chấp thuận theo quy định tại Quy chế này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

+ Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT: Thực hiện theo quy định tại Điều 153 Luật Doanh nghiệp và Điều 26 Điều lệ Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty.
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
 - e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT:
 - a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT: Thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.
 - b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 25 và khoản 4 Điều 24 Điều lệ Công ty
 - c) Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT:
 - Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên HĐQT: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 24 Điều lệ Công ty và quy định sau:
 - + Người ứng cử là cổ đông cá nhân phải nắm giữ ít nhất 5% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tính đến ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.
 - + Người được đề cử phải được cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 5% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tính đến ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ đề cử.
 - Số lượng ứng cử viên HĐQT:
 - + Số lượng ứng cử viên để bầu vào HĐQT do các cổ đông có đủ điều kiện ứng cử, đề cử phải đảm bảo bằng hoặc lớn hơn số thành viên HĐQT dự kiến bầu. Các cổ đông/nhóm cổ đông ứng cử/đề cử với số lượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty.
 - + Người tự ứng cử và được đề cử phải gửi hồ sơ ứng cử hợp lệ và đúng hạn theo quy định.

+ Nếu sau khi các cổ đông ứng cử hoặc đề cử mà vẫn chưa đủ số ứng cử viên cần thiết, HĐQT đương nhiệm có quyền cử thêm ứng viên đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. HĐQT sẽ biểu quyết theo nguyên tắc đa số để chọn ra ứng cử viên HĐQT với các điều kiện: Đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT; có đầy đủ hồ sơ ứng cử theo quy định tại Quy chế này.

- Tổng hợp danh sách ứng cử viên HĐQT:

+ Sau khi hết hạn nhận hồ sơ ứng cử và đề cử, HĐQT đương nhiệm tổng hợp danh sách các ứng cử viên có đủ điều kiện để công bố đến các cổ đông theo quy định.

+ Danh sách ứng cử viên hợp lệ phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bầu cử. Việc biểu quyết thông qua danh sách ứng cử viên tiến hành bằng biểu quyết giơ thẻ biểu quyết.

- Hồ sơ và thời hạn nhận hồ sơ ứng cử/đề cử để bầu vào HĐQT:

+ Hồ sơ đề cử/ứng cử HĐQT: Đơn ứng cử tham gia HĐQT trong đó có cam kết của ứng viên HĐQT về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT; Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai; Giấy xác nhận số cổ phần mà cổ đông (nếu tự ứng cử) hoặc cổ đông, nhóm cổ đông (nếu đề cử) sở hữu hoặc giấy tờ tương đương của công ty chứng khoán nơi cổ đông/nhóm cổ đông đó mở tài khoản hoặc của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tính đến ngày chốt Danh sách cổ đông cho mục đích họp ĐHĐCĐ; Biên bản họp nhóm và Danh sách nhóm cổ đông (trường hợp ứng viên được nhóm cổ đông đề cử); Bản sao chứng thực: giấy tờ pháp lý, các bằng cấp thể hiện trình độ chuyên môn; Các hồ sơ khác để xác định tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật.

Hồ sơ ứng viên phải được lập bằng tiếng Việt. Các bản sao tiếng Việt và các bản dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt phải được cơ quan có thẩm quyền chứng thực theo quy định của pháp luật.

+ Thời hạn nhận hồ sơ đề ứng cử/đề cử HĐQT: Hồ sơ tham gia ứng cử/đề cử có thể nộp trực tiếp hoặc gửi qua thư bảo đảm về trụ sở chính của Công ty trước ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ ít nhất 10 ngày. Sau thời gian này, cổ đông không ứng cử, đề cử, hoặc ứng cử viên không đảm bảo đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định, việc đề cử sẽ do HĐQT thực hiện theo quy định tại Quy chế này. Chỉ những hồ sơ đề cử/ứng cử đáp ứng đủ điều kiện và những ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện là thành viên HĐQT mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

d) Cách thức bầu thành viên HĐQT:

- Việc bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này và Quy chế bầu cử.

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản có chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu và được Trưởng ban kiểm phiếu công bố trước ĐHĐCĐ.

e) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT:

- Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- HĐQT phải họp và trình ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- f) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT: Được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- g) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT:
- Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
 - Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
 - Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.
4. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT: Thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty.
5. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT:
- a) Hình thức họp và thông báo họp HĐQT:
- HĐQT họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một (01) lần hoặc họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty. Cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
 - Tùy theo điều kiện và các công cụ, phương tiện hỗ trợ thực tế tại thời điểm tổ chức cuộc họp, HĐQT có thể họp trực tiếp hoặc tổ chức họp qua điện thoại hoặc phương thức khác hoặc kết hợp giữa nhiều phương thức khi tất cả hoặc một số thành viên dự họp đang có mặt tại những địa điểm khác nhau và với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - + Nghe từng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.
 - + Trình bày, trao đổi trực tiếp được với tất cả các thành viên tham dự về ý kiến của mình.
- b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Điều lệ Công ty.
- c) Thông báo họp HĐQT:
- Thông báo mời họp và tài liệu họp của phiên họp HĐQT phải được gửi đến các thành viên HĐQT và những người tham dự họp trong thời hạn ít nhất 03 ngày trước ngày họp. Thành viên HĐQT nếu không nhận được tài liệu họp đúng thời hạn do lỗi của HĐQT hay bộ phận trực tiếp gửi hồ sơ của Công ty có quyền đề nghị hoãn ngày họp và Chủ tịch HĐQT có nghĩa vụ tổ chức lại theo đề nghị của thành viên HĐQT.
 - Thông báo mời họp được gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện phù hợp khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT đã được đăng ký tại Công ty. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

- Thông báo mời họp phải ghi rõ thời gian, địa điểm họp, nội dung hoặc chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định.
 - Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS như đối với các thành viên HĐQT.
- d) Quyền dự họp HĐQT của thành viên BKS: Thành viên BKS có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- e) Điều kiện tổ chức họp HĐQT: Thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 29 Điều lệ Công ty.
- f) Trình tự thủ tục tiến hành các cuộc họp HĐQT:
- Chuẩn bị cuộc họp:
 - + Trừ khi có quy định/yêu cầu khác của HĐQT, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức chuẩn bị trước các nội dung để trình bày tại cuộc họp của HĐQT.
 - + Các thành viên HĐQT theo sự phân công thường xuyên của HĐQT và theo phân công cụ thể của Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, tài liệu cuộc họp, làm việc với các bộ phận liên quan của Công ty, chuẩn bị ý kiến bằng văn bản về các vấn đề dự kiến đưa ra thảo luận tại cuộc họp.
 - + Bộ phận Thư ký/Người phụ trách quản trị Công ty chịu trách nhiệm tổ chức họp, tập họp và gửi tài liệu.
 - + Trường hợp không thể tham gia cuộc họp, thành viên HĐQT và người được mời họp cần thông báo cho HĐQT và nêu rõ lý do vắng mặt, đồng thời gửi HĐQT ý kiến tham gia bằng văn bản về các vấn đề dự kiến đưa ra thảo luận tại cuộc họp.
 - Trình tự tiến hành cuộc họp:
 - + Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền chủ trì cuộc họp thông báo thành phần, nội dung, chương trình nghị sự cuộc họp.
 - + Người được phân công báo cáo tại cuộc họp thuyết trình về các nội dung và kiến nghị để HĐQT xem xét, quyết định.
 - + Các thành viên thảo luận, xem xét các vấn đề theo tài liệu, báo cáo và thuyết trình tại cuộc họp.
 - + Thông qua nghị quyết, biên bản cuộc họp.
 - + Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản ký tên vào biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.
- g) Cách thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại khoản 9, 10 Điều 29 Điều lệ Công ty và quy định sau:
- Việc biểu quyết được tiến hành công khai bằng cách giơ tay hoặc xác nhận vào phiếu ý kiến trừ trường hợp HĐQT quyết định bỏ phiếu kín đối với các vấn đề liên quan đến nhân sự, tiền vốn, lợi ích của Công ty và nghĩa vụ của thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc.
 - Thành viên HĐQT vắng mặt biểu quyết bằng phương thức gửi ý kiến bằng văn bản (thư, fax, thư điện tử) thì văn bản phải được chuyển tới Chủ tịch HĐQT hoặc người ủy quyền chủ trì cuộc họp ít nhất 01 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp và được công khai tới tất cả những người tham dự họp.
 - Kết quả biểu quyết và kiểm phiếu sẽ được ghi trong Biên bản họp HĐQT.

- Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc những người có liên quan của thành viên đó có lợi ích liên quan thuộc trường hợp quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều 41 Điều lệ Công ty. Thành viên HĐQT cũng không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
 - h) Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT: Thực hiện theo quy định tại khoản 14 Điều 29 Điều lệ Công ty.
 - i) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT: Thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty.
 - j) Lập biên bản họp HĐQT:
 - Các cuộc họp của HĐQT đều phải được lập biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Nếu có sự hiểu khác nhau giữa bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì áp dụng tiếng Việt để giải quyết. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
 - Biên bản họp HĐQT phải được thông qua và biểu quyết nhất trí tại cuộc họp HĐQT.
 - Biên bản họp HĐQT và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp HĐQT phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 - Bộ phận Thư ký/Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm chuyển biên bản họp và nghị quyết HĐQT cho các thành viên HĐQT (bao gồm các thành viên dự họp và các thành viên vắng mặt).
 - k) Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT:
 - Những quyết định đã được thảo luận và quyết nghị tại cuộc họp HĐQT được HĐQT ban hành theo các thể thức trình bày văn bản phù hợp (Nghị quyết, quyết định,...) để chuyển đến các đơn vị, cá nhân có liên quan. Căn cứ vào các nội dung đã được quyết nghị của HĐQT, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành các văn bản này.
 - Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu) hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản có liên quan.
6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:
- a) Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty:
 - Hiểu biết về pháp luật;
 - Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.
 - b) Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Điều lệ Công ty.
 - c) Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:
 - Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;

- Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
 - Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.
- d) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty: Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- e) Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Ban kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS:
Thực hiện theo quy định tại Điều 287, Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Điều 38 Điều lệ Công ty.
2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS:
 - a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS: Thực hiện theo quy định tại Điều 168 Luật Doanh nghiệp và khoản 1 Điều 36 Điều lệ Công ty.
 - b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Điều lệ Công ty.
 - c) Đề cử, ứng cử thành viên BKS:
 - Điều kiện ứng cử hoặc đề cử thành viên BKS:
 - + Người ứng cử là cổ đông cá nhân phải nắm giữ ít nhất 5% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tính đến ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.
 - + Người được đề cử phải được cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 5% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tính đến ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ đề cử.
 - Số lượng ứng cử viên thành viên BKS:
 - + Số lượng ứng viên đề bầu vào BKS do các cổ đông có đủ điều kiện ứng cử, đề cử và đảm bảo bằng hoặc lớn hơn số thành viên BKS dự kiến bầu. Các cổ đông/nhóm cổ đông ứng cử/đề cử với số lượng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Điều lệ Công ty.
 - + Người tự ứng cử và được đề cử phải gửi hồ sơ ứng cử hợp lệ và đúng hạn theo quy định.
 - + Nếu sau khi các cổ đông ứng cử hoặc đề cử mà vẫn chưa đủ số lượng ứng cử viên cần thiết, BKS đương nhiệm có quyền cử thêm ứng viên đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. Việc giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật. BKS sẽ biểu quyết theo nguyên tắc quá bán để chọn ra ứng viên thành viên BKS với điều kiện: ứng cử viên phải đảm bảo đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS; ứng viên phải có đầy đủ hồ sơ ứng cử theo quy định tại Quy chế này.
 - Tổng hợp danh sách ứng viên thành viên BKS:

- + Sau khi hết hạn nhận hồ sơ ứng cử và đề cử, BKS đương nhiệm tổng hợp danh sách các ứng viên có đủ điều kiện để công bố đến các cổ đông theo quy định.
- + Danh sách ứng cử viên hợp lệ phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bầu cử. Việc biểu quyết thông qua danh sách ứng viên tiến hành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.
- Hồ sơ ứng cử/đề cử để bầu vào BKS:
 - + Đơn ứng cử tham gia BKS trong đó có cam kết của ứng viên thành viên BKS về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên BKS.
 - + Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai.
 - + Giấy xác nhận số cổ phần mà cổ đông (nếu tự ứng cử) hoặc cổ đông, nhóm cổ đông (nếu đề cử) sở hữu hoặc giấy tờ tương đương của công ty chứng khoán nơi (nhóm) cổ đông đó mở tài khoản hoặc của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tính đến ngày chốt danh sách cổ đông cho mục đích họp ĐHĐCĐ.
 - + Biên bản họp nhóm và danh sách nhóm cổ đông (trường hợp ứng viên được nhóm cổ đông đề cử).
 - + Bản sao chứng thực: Chứng minh nhân dân/hộ chiếu, hộ khẩu thường trú, các bằng cấp thể hiện trình độ chuyên môn.
 - + Các hồ sơ khác để xác định tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ ứng viên phải được lập bằng tiếng Việt. Các bản sao tiếng Việt và các bản dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt phải được cơ quan có thẩm quyền chứng thực theo quy định của pháp luật.
- Thời hạn nhận hồ sơ ứng cử/đề cử để bầu vào BKS:
 - + Hồ sơ tham gia ứng cử/đề cử có thể nộp trực tiếp hoặc gửi qua thư bảo đảm về trụ sở chính của Công ty trước ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ ít nhất 10 ngày. Sau thời gian này, cổ đông không ứng cử, đề cử hoặc ứng cử viên không đảm bảo đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định, việc đề cử sẽ do BKS thực hiện theo quy định tại Quy chế này.
 - + Chỉ những hồ sơ đề cử/ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử, ứng cử và những ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện là thành viên BKS mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- d) Cách thức bầu thành viên BKS: Thực hiện tương tự như bầu thành viên HĐQT quy định tại điểm d khoản 3 Điều 3 Quy chế này.
- e) Bầu Trưởng BKS: Sau khi có kết quả bầu cử thành viên BKS của ĐHĐCĐ, các thành viên BKS bầu một người trong số họ làm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng BKS quy định tại Điều 37 Điều lệ Công ty.
- f) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS: Thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 36 Điều lệ Công ty.
- g) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS: Được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- h) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên BKS: Thực hiện theo quy định tại Điều 40 Điều lệ Công ty.

Điều 5. Tổng Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 34 Điều lệ Công ty.
2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc:
 - a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc:
 - Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Điều lệ Công ty.
 - Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc: Thực hiện theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 34 Điều lệ Công ty.
 - b) Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc:
 - Các thành viên HĐQT có thể đề cử ứng cử viên hoặc tự ứng cử cho vị trí Tổng Giám đốc. Trường hợp có nhiều ứng cử viên thì HĐQT xem xét, phỏng vấn và thực hiện các công việc khác như thăm dò ý kiến trong lãnh đạo chủ chốt Công ty,... để lựa chọn người được bổ nhiệm.
 - Hồ sơ đề nghị HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc do người đề cử ứng cử viên chuẩn bị, bao gồm:
 - + Sơ yếu lí lịch do ứng cử viên tự kê khai nêu rõ nhân thân, học vấn, kinh nghiệm;
 - + Chương trình hành động;
 - + Bản tự nhận xét, đánh giá quá trình công tác;
 - + Các bản sao văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng (có công chứng hoặc đóng dấu của cơ quan sao y bản chính);
 - + Các kết luận kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và các giấy tờ liên quan khác đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm (nếu có).

Toàn bộ hồ sơ nêu trên phải được gửi đến các thành viên HĐQT dự họp cùng với tài liệu mời họp, trừ trường hợp các thành viên HĐQT không có ý kiến phản đối về thời gian gửi tài liệu.
 - c) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:
 - Căn cứ danh sách ứng cử và đề cử chức danh Tổng Giám đốc, HĐQT tổ chức cuộc họp và thông qua nghị quyết về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc để Chủ tịch HĐQT ký quyết định bổ nhiệm.
 - Căn cứ Quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc, HĐQT ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc, trong đó quy định tiền lương, thưởng, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác theo quy định của pháp luật lao động hiện hành.
 - d) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc: HĐQT miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau:
 - Tổng Giám đốc không còn đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Quy chế này.
 - Tổng Giám đốc có đơn xin từ chức hoặc có văn bản điều động của tổ chức giới thiệu bổ nhiệm Tổng Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc không bảo đảm sức khỏe để đảm nhiệm chức vụ.
 - Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm trong công tác điều hành Công ty, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty.
 - Để Công ty kinh doanh thua lỗ 02 năm liên tiếp mà không phải do nguyên nhân khách quan.
 - Bị khởi tố, tạm giam, truy tố về trách nhiệm hình sự.

- Các trường hợp khác mà HĐQT có căn cứ xác định Tổng Giám đốc không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ.
- e) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc: Công ty tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- f) Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc: Thực hiện theo quy định tại Điều 33 Điều lệ Công ty.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc:
 - a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc: Thực hiện theo các quy định tại khoản 5 Điều 3 Quy chế này.
 - b) Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT cho BKS: Thực hiện theo quy định tại điểm k khoản 5 Điều 3 Quy chế này và Quy chế văn thư của Công ty.
 - c) Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc: Thực hiện theo quy định tại điểm k khoản 5 Điều 3 Quy chế này và Quy chế văn thư của Công ty.
 - d) Các trường hợp Tổng Giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:
 - Tổng Giám đốc, BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT khi xảy ra các trường hợp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Khi Tổng Giám đốc, BKS có đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận thì Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng.
 - Những vấn đề sau đây phải xin ý kiến HĐQT:
 - + Các vấn đề cần phải được HĐQT phê chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty;
 - + Các giao dịch mà Tổng Giám đốc là một bên liên quan;
 - + Các nội dung ngoài phạm vi ủy quyền của HĐQT cho Tổng Giám đốc;
 - + Các nội dung khác phải được HĐQT phê duyệt/phê chuẩn theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - HĐQT phải có ý kiến phản hồi hoặc phê duyệt các nội dung Tổng Giám đốc đề xuất nêu trên theo cách thức quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT.
 - e) Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:
 - Định kỳ hàng quý, Tổng Giám đốc phải tổ chức họp Ban Tổng giám đốc để kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết và các vấn đề khác HĐQT giao cho Ban Tổng giám đốc. Biên bản họp phải được lưu trữ, làm cơ sở trích dẫn và đưa thông tin vào các báo cáo của Ban Tổng giám đốc.
 - Ngoài ra, Tổng Giám đốc phải báo cáo các vấn đề khác về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Công ty hoặc khi được ĐHCĐ/HĐQT yêu cầu.
 - Khi cần thiết, HĐQT có quyền yêu cầu các thành viên Ban Tổng giám đốc báo cáo về việc thực hiện công việc được giao.

- f) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc: Hàng quý, tại các cuộc họp định kỳ của HĐQT, HĐQT sẽ thực hiện kiểm điểm và đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc dựa trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý của Công ty và của cá nhân được đánh giá từ đó phát huy điểm mạnh và có phương án khắc phục nhược điểm, hạn chế (nếu có).
- g) Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin cho HĐQT, BKS:
- Việc thực hiện nghị quyết của HĐQT và ĐHCĐ;
 - Việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được HĐQT và/hoặc ĐHCĐ thông qua;
 - Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 năm;
 - Bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh;
 - Các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT và BKS.
- h) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên BKS và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên:
- Các thành viên HĐQT, thành viên BKS và các thành viên Ban Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi và cung cấp các thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi trong công việc của nhau để bảo đảm thực hiện tốt nhất công việc chung.
 - Trường hợp cần xin ý kiến ngay, các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng giám đốc có thể thông tin ngay thông qua gặp trực tiếp, điện thoại, email, họp trực tuyến để giải quyết công việc.
 - BKS, HĐQT có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, số liệu, hồ sơ của Công ty trực tiếp qua cán bộ nhân viên phụ trách chuyên môn của các phòng, ban Công ty để làm sáng tỏ vấn đề quan tâm vì lợi ích chung của Công ty.
2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên Ban Tổng Giám đốc:
- a) Đánh giá đối với thành viên HĐQT:
- Định kỳ hàng năm, HĐQT phải tiến hành đánh giá kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT căn cứ theo thái độ, trách nhiệm, hiệu quả thực hiện các công việc được phân công và theo ý kiến đánh giá của BKS.
 - Kết quả đánh giá đối với thành viên HĐQT phải báo cáo ĐHCĐ trong cuộc họp gần nhất.
- b) Đánh giá đối với thành viên BKS:
- Định kỳ hàng năm, BKS phải tiến hành đánh giá kết quả hoạt động của từng thành viên BKS căn cứ theo thái độ, trách nhiệm và hiệu quả thực hiện các công việc được phân công.
 - Kết quả đánh giá đối với thành viên BKS phải báo cáo ĐHCĐ trong cuộc họp gần nhất.
- c) Đánh giá đối với thành viên Ban Tổng giám đốc:

- Định kỳ hàng năm, HĐQT phải tiến hành đánh giá kết quả hoạt động của Tổng Giám đốc và thành viên Ban Tổng giám đốc trên cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm, có tham khảo ý kiến của BKS.

Kết quả đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên Ban Tổng Giám đốc được sử dụng làm căn cứ để ĐHCĐ, HĐQT xem xét mức khen thưởng/kỷ luật, mức thù lao hàng năm cho HĐQT, BKS và Ban điều hành.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty bao gồm 07 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng 4 năm 2022.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Đức Chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
(PETECHIM JSC)**



**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

DỰ THẢO

TP. Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2022

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*(Ban hành theo Nghị quyết số /NQ-TMDK ngày/4/2022
của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí)*

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sửa đổi, bổ sung lần thứ 10);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...,

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của HĐQT và các thành viên HĐQT nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho HĐQT, các thành viên HĐQT và những đối tượng liên quan có đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Công ty: Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí.
2. Đơn vị trực thuộc: Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh và Ban quản lý dự án của Công ty.
3. Đơn vị thành viên: các Công ty mà Công ty có cổ phần hoặc vốn góp chi phối.
4. Doanh nghiệp khác: các doanh nghiệp có cổ phần/vốn góp của Công ty.
5. Điều lệ: Điều lệ Công ty.
6. Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty.
7. Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.
8. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông.
9. HĐQT: Hội đồng quản trị Công ty.
10. BKS: Ban kiểm soát.
11. TV BKS: Thành viên Ban kiểm soát.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Công ty.

2. HĐQT giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Chương II THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và đơn vị thành viên.

2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và đơn vị thành viên.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.

Điều 6. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là 03 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Cơ cấu HĐQT của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành.

4. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
3. Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác;
4. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 8. Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
2. Chủ tịch HĐQT Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.
5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a) Trường hợp quy định tại Điểm c khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công ty.

b) Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên vào HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào HĐQT thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

b) Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại khoản 2 điều 24 Điều lệ Công ty làm ứng cử viên HĐQT.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo các quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế về công bố thông tin của Công ty.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ Công ty và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

e) Quyết định bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại các công ty khác;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; quyết định cử người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại doanh nghiệp khác; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc giới thiệu để bổ nhiệm, đề nghị miễn nhiệm, cách chức đối với Chủ tịch, thành viên HĐQT/thành viên HĐTV, thành viên BKS, Giám đốc các công ty con trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty (trừ các quy chế thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ), quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

s) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty;

t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

a) Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. HĐQT chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

3. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

4. Trong thẩm quyền của mình, HĐQT có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định các hợp đồng, giao dịch bằng văn bản cụ thể.

Điều 14. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Báo cáo tài chính quý, sáu tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với đầu kỳ;

c) Số lượng thành viên HĐQT, thành viên BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

đ) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc số lượng thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều này.

3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc HĐQT.

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV CUỘC HỌP HĐQT

Điều 16. Cuộc họp HĐQT

1. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
2. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;
3. Đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị

thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

5. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên HĐQT.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

8. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Biểu quyết:

a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (1) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 41 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

11. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong

đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

13. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

14. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện thông tin liên lạc khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện.

15. HĐQT có quyền lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết HĐQT khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty. Thời gian xử lý phiếu lấy ý kiến của các thành viên HĐQT bằng văn bản:

a) Trong trường hợp bút phê chỉ đạo xử lý của Chủ tịch HĐQT có quy định thời hạn xử lý thì tuân thủ theo thời hạn đó.

b) Trong vòng 24 giờ, Người phụ trách quản trị Công ty phải gửi phiếu lấy ý kiến cho các thành viên HĐQT bằng các phương thức gửi trực tiếp hoặc thông qua thư, fax, thư điện tử,... Các thành viên HĐQT nghiên cứu tài liệu trên bản cứng hoặc bản scan và có ý kiến biểu quyết/ý kiến đề xuất khác trong vòng 05 ngày làm việc hoặc thời hạn cho ý kiến, thông qua việc trả lời thư, fax, thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản cũng sẽ được các thành viên HĐQT ký và gửi cho Người phụ trách quản trị Công ty bản cứng để lưu theo quy định.

c) Người phụ trách quản trị Công ty tổng hợp kết quả biểu quyết:

- Nếu nội dung được đa số thành viên HĐQT thông qua, Người phụ trách quản trị Công ty tổng hợp, trình Chủ tịch HĐQT để HĐQT ra văn bản/nghị quyết/quyết định trong vòng 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đủ ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT gửi đến trong thời hạn quy định.

- Nếu nội dung chưa được đa số thành viên HĐQT thông qua trên cơ sở ý kiến khác của các thành viên HĐQT, Người phụ trách quản trị Công ty báo cáo Chủ tịch HĐQT và xử lý theo chỉ đạo cụ thể của Chủ tịch HĐQT.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Cách thức xử lý trong những trường hợp khẩn cấp: Trong những trường hợp khẩn cấp, các vấn đề cần được HĐQT xem xét, giải quyết song không thể họp HĐQT và cũng không kịp xin ý kiến của các thành viên HĐQT bằng văn bản, Tổng Giám đốc Công ty sẽ trao đổi với Chủ tịch HĐQT (và tranh thủ ý kiến của các thành viên HĐQT nếu có thể) để quyết định. Ngay ngày làm

việc kế tiếp, Tổng Giám đốc Công ty thông báo để Người phụ trách quản trị Công ty làm các thủ tục theo quy trình.

Điều 17. Biên bản họp HĐQT

1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 18. Nghị quyết/Quyết định của HĐQT

1. Nghị quyết/Quyết định của HĐQT là văn bản pháp lý thực hiện chức năng quản lý của HĐQT đối với hoạt động của Công ty, có tính bắt buộc thi hành đối với tất cả các cá nhân, đơn vị trong Công ty.

2. Căn cứ Biên bản cuộc họp/nghị quyết của HĐQT, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký các văn bản ban hành, các quyết định, quy định, chỉ thị và các văn bản hướng dẫn khác của HĐQT để thực hiện trong toàn Công ty.

3. Các quyết định, quy định, chỉ thị và các văn bản hướng dẫn khác sau khi đã được Chủ tịch HĐQT ký ban hành phải được sao gửi cho các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và BKS để theo dõi, giám sát và thực hiện.

4. Khi thực hiện Nghị quyết/Quyết định của HĐQT, cá nhân, đơn vị nào phát hiện có vấn đề không phù hợp hoặc có ý kiến khác phản ánh theo trình tự hoặc kiến nghị trực tiếp với HĐQT, các thành viên HĐQT hoặc Người phụ trách quản trị Công ty để HĐQT xem xét. Trong khi chưa có

Nghị quyết/Quyết định khác của HĐQT thì vẫn phải tuân thủ Nghị quyết/Quyết định hiện hành của HĐQT về vấn đề liên quan.

Chương V **BỘ MÁY GIÚP VIỆC CỦA HĐQT**

Điều 19. Bộ máy giúp việc của HĐQT

1. Người phụ trách quản trị Công ty

a) HĐQT chỉ định một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Có hiểu biết về pháp luật;
- Không đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

b) Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Tư vấn cho HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- Tham dự các cuộc họp;
- Tư vấn thủ tục lập các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên BKS;
- Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty:

Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty có nhiệm vụ:

a) Lập biên bản cuộc họp HĐQT, dự thảo và chỉnh sửa các dự thảo nghị quyết, quyết định và các văn bản liên quan của HĐQT;

b) Theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT, phối hợp với các cán bộ, chuyên viên của các Phòng, Ban chức năng, các Đơn vị trực thuộc và Người đại diện của Công ty tại Doanh nghiệp khác để theo dõi quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

c) Yêu cầu các Phòng Ban chức năng, các Đơn vị trực thuộc và Người đại diện của Công ty tại Doanh nghiệp khác cung cấp tài liệu về các vấn đề mà HĐQT cần xem xét, phê duyệt.

d) Cung cấp thông tin cho các thành viên HĐQT theo yêu cầu. Chuyển các yêu cầu của các thành viên HĐQT tới các Phòng Ban chức năng, các Đơn vị trực thuộc và Người đại diện của Công ty tại Doanh nghiệp khác để chuẩn bị ý kiến cho kỳ họp HĐQT.

đ) Trình HĐQT các văn bản thuộc thẩm quyền xử lý của HĐQT.

e) Phối hợp với các Phòng Ban chức năng, các Đơn vị trực thuộc và Người đại diện của Công ty tại Doanh nghiệp khác chuẩn bị các văn bản, báo cáo, tờ trình của HĐQT cho các cổ đông và/hoặc các cơ quan quản lý Nhà nước.

g) Tiếp nhận, lưu trữ, gửi công văn, hồ sơ, tài liệu của HĐQT.

h) Các công việc khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty do Chủ tịch HĐQT phân công.

3. Ngoài các bộ phận giúp việc tại khoản 1 và 2 Điều này, HĐQT có thể sử dụng bộ máy tham mưu, giúp việc của Công ty hoặc thành lập các tiểu ban chuyên đề theo quy định tại Điều lệ để thực hiện nhiệm vụ của mình.

Chương VI BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 20. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến BKS để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của BKS và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 21. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao, khoản trả thêm thù lao quy định tại Khoản 4 Điều này của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của ĐHĐCĐ.

5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao

gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.

6. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên HĐQT của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên HĐQT cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VII MỐI QUAN HỆ CỦA HĐQT

Điều 23. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp; lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 24. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các Nghị quyết/Quyết định để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các Nghị quyết/Quyết định.

Điều 25. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa HĐQT và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VIII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 26. Trách nhiệm thực hiện và xử lý vi phạm

1. HĐQT, thành viên HĐQT và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong Công ty có trách nhiệm tuân thủ nghiêm túc các quy định trong quy chế này.

2. Tổ chức hoặc cá nhân vi phạm các quy định trong quy chế này, tùy theo mức độ và tính chất vi phạm, sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 27. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí bao gồm 8 chương, 28 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm 2022.

2. Nếu có bất kỳ điều khoản nào trong Quy chế này mâu thuẫn với quy định pháp luật hoặc Điều lệ của Công ty thì các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty sẽ được áp dụng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Đức Chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
(PETECHIM JSC)**



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

DỰ THẢO

TP. Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2022

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ (PETECHIM)
(Ban hành theo Nghị quyết số /NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2022 của
Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí)

ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ

Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Công ty* là Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí.
- Đại hội đồng cổ đông* là Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí.
- Điều lệ Công ty* là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí được phê duyệt, sửa đổi, bổ sung và đang có hiệu lực.
- Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Các thuật ngữ khác* được hiểu như quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.
- Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát, các Kiểm soát viên và các tập thể, cá nhân có liên quan tại Công ty.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các Kiểm soát viên chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG II - KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên

- Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
- Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
- Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
 - đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên Công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty và công ty mẹ của Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát.
 - b) Tổ chức xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ký ban hành sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.
 - c) Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản, báo cáo, tài liệu, hồ sơ gửi Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các bên liên quan để thực hiện nhiệm vụ chung của Ban Kiểm soát.
 - d) Tổ chức thực hiện chương trình kế hoạch kiểm tra, giám sát theo định kỳ hàng quý, hàng năm sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - e) Chịu trách nhiệm đôn đốc các Kiểm soát viên triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; phân công nhiệm vụ cho từng Kiểm soát viên; triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban Kiểm soát.

f) Ủy quyền cho Kiểm soát viên đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban Kiểm soát trong thời gian vắng mặt.

g) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát.

h) Đề nghị Hội đồng quản trị tổ chức phiên họp bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

i) Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

j) Điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

k) Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các doanh nghiệp mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thực hiện theo các quy định pháp luật, Điều lệ của Công ty.

CHƯƠNG III - BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

9. Được sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

10. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

11. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

12. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

13. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

14. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

15. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

16. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

17. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

18. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

19. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

20. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

21. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

22. Giám sát, chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

23. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

24. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với đầu kỳ;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;
- d) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

CHƯƠNG V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng Kiểm soát viên.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác, tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Kiểm soát viên của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà Kiểm soát viên làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của Kiểm soát viên làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các Kiểm soát viên chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với Kiểm soát viên hoặc với những người có liên quan của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên

Các Kiểm soát viên có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các Kiểm soát viên.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

Đoàn Thu Hương



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Số: 131 /TTr-TMDK

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH
Về việc giới thiệu nhân sự bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Thương mại Dầu khí

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí;
- Quyết định số 27/QĐ-TMDK ngày 01/12/2021 của Tổng Giám đốc Công ty Petechim về việc chấm dứt HĐLĐ đối với ông Nguyễn Việt Đức, CV Phòng Dịch vụ, Thành viên BKS Công ty Petechim;
- Tình hình thực tế và nhu cầu công việc của Công ty,

Ban Kiểm soát Petechim kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát như sau:

- Ông Nguyễn Việt Đức, Chuyên viên Phòng Dịch vụ, Thành viên Ban kiểm soát Công ty đã chấm dứt Hợp đồng lao động kể từ ngày 01/12/2021.
- Đề cử nhân sự để bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát, cụ thể:
 - Bà: **TRẦN MỘNG THÙY TRANG**
 - Ngày sinh: 25/01/1985
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Số CCCD: 079185010601, ngày cấp: 22/11/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát.
 - HK thường trú: 961 Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh.
 - Chỗ ở hiện tại: 961 Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh.
 - Trình độ học vấn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài chính Ngân hàng.
 - Chức vụ hiện nay: Chuyên viên Phòng Dịch vụ, Công ty Petechim.

Căn cứ các quy định hiện hành, Ban Kiểm soát xác nhận ứng viên nêu trên đã đủ tiêu chuẩn và điều kiện để tham gia danh sách bầu cử bổ sung vào Ban Kiểm soát Công ty Petechim nhiệm kỳ 2022-2027.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua nội dung trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu: BKS.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người ứng cử/đề cử bầu làm thành viên HĐQT/Ban kiểm soát)

- Họ và tên: **TRẦN MỘNG THÙY TRANG**
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh : 25 tháng 01 năm 1985
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- Số CMND/CCCD: 079185010601 cấp ngày 22/11/2021 Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú: 961 Hậu Giang, phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
- Chỗ ở hiện nay: 961 Hậu Giang, phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
- Hiện đang công tác tại: Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí
- Chức vụ: Chuyên viên Phòng Dịch vụ
- Điện thoại: 0933 056686 Email: trangtmt@petechim.com.vn
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - ◆ Cử nhân chuyên ngành ngôn ngữ tiếng Anh- Pháp tại Đại học KHXH&NV
 - ◆ Cử nhân chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại Đại học Kinh Tế TP.HCM
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Trường/Nơi đào tạo	Bằng cấp
1991 – 1996	Trường tiểu học Nguyễn Huệ	Bằng tốt nghiệp tiểu học
1996 – 2001	Trường THCS chuyên Hồng Bàng	Bằng tốt nghiệp THCS
2001 – 2003	Trường THPT chuyên Nguyễn Thượng Hiền	Bằng tốt nghiệp THPT
2003-2007	Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn TP HCM	Cử nhân Ngoại ngữ
2007-2009	Đại học Kinh Tế TP HCM	Cử nhân Kinh tế

15. Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức
-----------	---------	-------------

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức
2007-2008	Chuyên viên thu mua, đào tạo	Công ty CP FPT Software Tp.HCM
2008- đến nay	Chuyên viên Phòng Dịch vụ	Công ty CP Thương mại Dầu khí

16. Nhân thân người khai (Quan hệ vợ ,chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột...)

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Nghề nghiệp	Nơi công tác
Cha	Trần Dân Chủ	1955	CNV	Nghỉ hưu
Mẹ	Phan Thùy Sương	1960	Nội trợ	Đã mất
Em	Trần Hoàng Nhật	1989	CNV	Vinashin
Chồng	Phạm Phú Quang	1978	CNV	JVPC
Con	Phạm Phú Minh Khoa	2012	Học sinh	Trường TH Phù Đổng
Con	Phạm Phú Minh Trí	2015	Học sinh	Trường TH Phù Đổng

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

TP.HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Mộng Thùy Trang

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR OF

THE UNIVERSITY OF ECONOMICS HO CHI MINH CITY

confers

THE DEGREE OF BACHELOR

Upon: (Mr, Ms) **TRAN MONG THUY TRANG**

Born on: 25 January 1985

Major in: Finance and Banking

Ranking: Strong-pass

Mode of study: Full-time



Serial number:

Reference number:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

DANH HIỆU: CỬ NHÂN

Cho: *Trần Mong Thụy Trang*

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 25/01/1985

Ngành đào tạo: Tài chính - Ngân hàng

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình khá

Hình thức đào tạo: Chính quy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2010



HIỆU TRƯỞNG

Số hiệu: 00058462

PGS.TS. Phạm Văn Năng

Số vào sổ cấp bằng B2K10-609



**VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
FACULTY OF ECONOMICS**



CERTIFICATE OF COMPLETION



This is to certify that :

Tran Mong Thuy Trang

Date of birth : Jan 25, 1985

Place of birth : TPHCM

Attended and completed the :

**BUSINESS ACCOUNTING
AND TAX DECLARATION**

From Jul 27, 2006 to Oct 01, 2006

Administrated by FACULTY OF ECONOMICS -

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HOCHIMINH CITY

Certificated class : Excellent

Registered No. : 9186/NH/KKT-2006



**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ**



CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

Chứng nhận : Trần Mộng Thùy Trang

Ngày sinh : 25/01/1985 Nơi sinh : TPHCM

Đã tham dự và hoàn tất khóa học :

**KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP
VÀ KHAI BÁO THUẾ**

Từ ngày 27/07/2006 đến ngày 01/10/2006

Tổ chức bởi KHOA KINH TẾ - ĐHQG TP.HCM

Tốt nghiệp hạng : Xuất sắc

TP.HCM, Ngày 8 tháng 11 năm 2006



PGS. TS. Nguyễn Văn Luân

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY - HO CHI MINH CITY
UNIVERSITY OF SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

HEREBY CONFERS THE DEGREE OF

CẤP

Bachelor of Arts

Bằng Cử nhân

French Linguistics and Literature

... Ngữ văn Pháp ...

UPON : ... **TRAN MONG THUY TRANG**

CHO : ... *Trần Mộng Thùy Trang* ...

BORN ON : . 25/01/1985 . . IN : **HO CHI MINH CITY**

SINH NGÀY : 25/01/1985 TẠI : **TP. Hồ Chí Minh** ...

YEAR OF GRADUATION : . 2007

NĂM TỐT NGHIỆP : . 2007 . . HỆ : **Chính quy**

RANK: **Good**

XẾP LOẠI: **Khá**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2007

Số đăng ký : 38 PH/07.
(Registration N°)

XB 01899/039KH2/2006



[Signature]
PGS.TS. Võ Văn Sen

CHỨNG CHỈ BỒ DƯỠNG NGHIỆP VỤ ĐẦU THẦU

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC QUỐC TẾ



Chữ ký của người được cấp

Cấp cho ông (bà): TRẦN MỘNG THUYỀN TRANG

Sinh ngày: 25 - 01 - 1985 tại: HỒ CHÍ MINH

Đơn vị: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ (PETECHIM)

Đã hoàn thành khóa nghiệp vụ đầu thầu

Từ ngày 16/10/2009 đến ngày 18/10/2009

Địa điểm học: TP. Hồ Chí Minh

Đạt loại: GIỎI

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2009

Số: 1722-09 NVĐT/IHER





FOREIGN TRADE UNIVERSITY
HO CHI MINH CITY BRANCH



It is hereby certified that

Mr./Ms: *Trần Mộng Thùy Trang*

Date of birth: *25/01/1985*

has successfully completed the training course on
IMPORT - EXPORT OPERATIONS

No: FTU 0904018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG
CƠ SỞ II TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Chứng nhận Anh/Chị: *Trần Mộng Thùy Trang*

Ngày sinh: *25/01/1985*

**ĐÃ HOÀN THÀNH KHÓA HỌC
“NGHIỆP VỤ XUẤT NHẬP KHẨU”**

Từ ngày 11/03/2009 đến 20/04/2009

Xếp loại: **Giỏi**

Tp.HCM, ngày 24 tháng 04 năm 2009



PGS, TS. BÙI NGỌC SƠN



DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ (PETECHIM)**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0305447723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/01/2008;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 ngày 23/4/2022,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch kinh doanh năm 2022 với một số chỉ tiêu chính như sau:

1. Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2021 của Petechim:

- Tổng doanh thu hợp nhất đạt 245 tỷ đồng, hoàn thành 59% kế hoạch năm;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 2,7 tỷ đồng, hoàn thành 34% kế hoạch năm.

2. Kết quả kinh doanh Công ty mẹ Petechim năm 2021:

- Tổng doanh thu đạt 127 tỷ đồng, hoàn thành 40% kế hoạch năm;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 0,24 tỷ đồng, hoàn thành 7% kế hoạch năm.

3. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2022:

- Tổng doanh thu: 350 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 7,5 tỷ đồng.

4. Kế hoạch kinh doanh Công ty mẹ năm 2022:

- Tổng doanh thu: 250 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 3 tỷ đồng.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C với một số chỉ tiêu chính như sau:

1. Tổng tài sản hợp nhất: 326 tỷ đồng;
2. Tổng tài sản Công ty mẹ: 256 tỷ đồng.
3. Vốn chủ sở hữu hợp nhất: 230 tỷ đồng.
4. Vốn chủ sở hữu Công ty mẹ: 203 tỷ đồng.
5. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 1,5 tỷ đồng
6. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ: 0,24 tỷ đồng.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 3: Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2022:

Số cổ phần biểu quyết tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 4: Thông qua các đề xuất về phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021: không chi trả cổ tức; không trích lập các quỹ năm 2021; phương án chi trả thù lao năm 2021 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2022 của HĐQT và BKS với một số chỉ tiêu chính như sau:

1. Tổng số thù lao đã chi của thành viên HĐQT và BKS năm 2021, cụ thể:

- Chi cho thành viên HĐQT: 168.000.000 đồng;
- Chi cho thành viên BKS: 82.000.000 đồng;
- Chi cho Phụ trách quản trị Công ty & Trợ lý: 42.000.000 đồng.
- Tổng cộng: 292.000.000 đồng.

2. Kế hoạch thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2022, cụ thể:

- Chi cho thành viên HĐQT: 168.000.000 đồng;
- Chi cho thành viên BKS: 84.000.000 đồng;
- Chi cho Người phụ trách quản trị và Trợ lý: 42.000.000 đồng.

Tổng cộng: 294.000.000 đồng.

Trường hợp có sự thay đổi về số lượng thành viên HĐQT, BKS, thù lao của thành viên HĐQT, BKS sẽ được điều chỉnh tương ứng.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 5: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 và Phương hướng hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022:

Số cổ phần biểu quyết tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6: Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2022 của Petechim:

Số cổ phần biểu quyết tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 7: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; ban hành mới Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 8: Thông qua việc bầu bổ sung Bà Trần Mộng Thùy Trang làm thành viên Ban Kiểm soát Công ty, kể từ ngày 23/4/2022 thay thế Ông Nguyễn Việt Đức chuyển công tác.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 9: Nghị quyết này được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Petechim thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23/4/2022. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Ban TGD;
- Lưu VT, HĐQT (03b)

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Trần Đức Chính